**Bài 6.**

**THƠ VĂN NGUYỄN ÁI QUỐC**

**– HỒ CHÍ MINH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Ngày soạn:*  *Ngày dạy:* | |  | |
| **Bài 6. Thơ văn Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh** | | | **10** | |
| **ĐỌC** |  | | **6** | |
| Đọc hiểu văn bản 1:  *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp* | | 1 | |
| Đọc hiểu văn bản 2:  Tuyên ngôn độc lập | | 2 | |
| Đọc hiểu văn bản 3:  *Nhật kí trong tù*(Hồ Chí Minh) | | 2 | |
| Thực hành đọc hiểu:  *Vi hành*(Trích *Những bức thư gửi cô em họ do tác giả tự dịch từ tiếng An Nam* – Nguyễn Ái Quốc) | | 1 | |
| Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói mỉa | | **1** | |
| **VIẾT** | Viết bài nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ | | **2** | |
| **NÓI VÀ NGHE:** | Nghe thuyết trình một vấn đề xã hội | | **1** | |
|  | **TỰ ĐÁNH GIÁ**: *Cảnh rừng Việt Bắc (Hồ Chí Minh)* | |  | |

**A. MỤC TIÊU**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. NĂNG LỰC** | |
| **Năng lực chung** | Bài học góp phần phát triển năng lực chung.  **- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**  **- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.  **- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| **Năng lực đặc thù** | *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  - **HS biết đọc hiểu thơ văn Hồ Chí Minh:** Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, tác giả, đặc điểm văn nghị luận, truyện ngắn, thể loại thơ Đường luật để đọc hiểu một số tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Hiểu được vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng, tài năng, phong cách nghệ thuật của Người.  - Nhận biết được đặc điểm và tác dụng biện pháp tu từ nói mỉa trong đọc hiểu văn bản giao tiếp.  - **HS biết viết bài văn nghị luận** về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.  **- HS biết nghe và nhận xét, đánh giá** được nội dung và cách thức thuyết trình một vấn đề xã hội. |
| **II. PHẨM CHẤT**  Trân trọng, tự hào về tài năng, nhân cách và công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất; có ý thức học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách, cách nói, cách viết của Người. | |

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Phiếu học tập, phiếu đánh giá, biên bản làm việc nhóm.

- Giấy roki kích cỡ A1, bút màu, kéo, băng dán giấy.

- Tivi, máy tính

**2. Học liệu**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Các video tư liệu về truyện, văn bản đọc hiểu.

- Bài giảng điện tử.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Phan Thị Thơm, 0974359595- THPT Trần Nhân Tông - Đắc Lăk -**

**Tiết:...**

**VĂN BẢN 1:**

***Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh –***

***Cuộc đời và sự nghiệp***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*

- Chỉ ra được sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ

Chí Minh, sự chi phối của quan niệm sáng tác đến các tác phẩm Người viết ra.

- Lí giải được tính đa dạng của di sản văn học Hồ Chí Minh, những điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Người.

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để sưu tầm các bài viết về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh.

**2*.* Phẩm chất:**

- Trân trọng, tự hào về tài năng, nhân cách và công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất;

- Có ý thức học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách, cách nói, cách viết của Người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kết nối tri thức cũ.

- Tạo hứng thú.

**b. Nội dung hoạt động:** Tổ chức cho HS theo dõi vi deo

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS xem video từ đầu đến 4,0 phút và nêu cảm xúc của em khi xem video. Em có cảm nhận như thế nào về Chủ tịch Hồ Chí Minh  https://youtu.be/VxYc2QY1jU4?si=GQAv2ELxXKqrY6vc  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**  - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**.  Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhắc đến vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Nhắc đến Người, trong trái tim mỗi chúng ta dâng lên niềm xúc động, tự hào, biết ơn và niềm thành kính thiêng liêng vô hạn. Bởi Người là một nhân cách vĩ đại, đúng như nhà thơ Tố Hữu từng viết:  “*Người là cha, là bác, là anh*  *Quả tìm lớn lọc trăm dòng máu nhỏ*”  (Trích *“Sáng tháng năm”*)  *“...Bác để tình thương cho chúng con*  *Một đời thanh bạch, chẳng vàng son*  *Mong manh áo vải hồn muôn trượng*  *Hơn tượng đồng phơi những lối mòn...”*  *(*Trích *“Bác ơi!*”)  Người đã để lại cho chúng ta một gia tài văn chương đồ sộ, dù sinh thời Người không nhận mình là nhà thơ, nhà văn. Hôm nay, cô trò ta cùng tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Người để cảm nhận những giá trị tinh thần to lớn mà Người đã dành cho nhân dân như thế nào! | - Câu trả lời của HS:  + Cảm xúc: xúc động, tự hào, khâm phục, ngưỡng mộ, ... về Bác.  + Cảm nhận về Bác: là một con người giản dị, sống nghĩa tình, nhân hậu, chan chứa tình yêu đối với quê hương, .... |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những kiến thức cơ bản về phong cách nghệ thuật và sức thuyết phục của văn nghị luận

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức ngữ văn

**c. Sản phẩm**: Sơ đồ tư duy/poster/inforgraphic

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**

**Tìm hiểu về phong cách nghệ thuật**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phong cách nghệ thuật là gì?* | .......................................... |
| *Phong cách nghệ thuật thường để chỉ cho các đối tượng nào?Lấy ví dụ minh họạ.* | ...........................................  ........................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**

**Tìm hiểu về Sức thuyết phục của văn nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| *So với sáng tác văn chương, văn nghị luận có đặc điểm nổi bật nào?* | .......................................... |
| *Mục đích của văn nghị luận khác với văn chương ở điểm nào?* | ...........................................  ........................................... |
| *Điểm khác biệt giữa văn nghị luận trung đại và văn nghị luận hiện đại* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành các nhóm, hai bàn là 01 nhóm.  - GV nêu yêu cầu:  + Đọc SGK trang 3,4- SGK  + Thực hiện Phiếu học tập số 01, 02 để xác định được các nội dung các đơn vị kiến thức trong phần Kiến thức Ngữ văn.  + Thuyết trình trước lớp sản phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc theo nhóm, tìm câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Sau 10 phút, các nhóm tổ chức triểm lãm sản phẩm  - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét sản phẩm và đánh giá sản phẩm  - GV chốt kiến thức về Kiến thức Ngữ văn | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **1. Phong cách nghệ thuật**   |  |  | | --- | --- | | **Các phương diện** | **Phong cách nghệ thuật** | | **Khái niệm** | Phong cách là những nét độc đáo cả về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật được thể hiện thống nhất, tương đối ổn định ở một hiện tượng văn học (tác phẩm, tác giả, trào lưu,...). | | **Phạm vi** | - **Phong cách nhà văn** **qua một tác phẩm** như: phong cách của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, phong cách của Hồ Chí Minh trong *Nhật kí trong tù*,  - **Phong cách nghệ thuật của một tác giả** như phong cách Nam Cao, Nguyễn Tuân, Tố Hữu, Nguyễn Bính,...  **- Phong cách còn để chỉ tính độc đáo, thống nhất của một trào lưu hay dòng văn học** (phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn,...) **hoặc phong cách một thời đại** (phong cách thời Phục hưng, phong cáchBa-rốc(2),...). |   **2. Sức thuyết phục của văn nghị luận**  - Văn nghị luận trình bày tư tưởng và thuyết phục người đọc chủ yếu bằng lí lẽ và lập luận  - Văn nghị luận hình thành và phát triển khả năng lập luận chặt chẽ, cách trình bày lí lẽ và dẫn chứng rõ ràng, giàu sức thuyết phục, diễn tả những suy nghĩ và nêu ý kiến riêng của mình về một vấn đề nào đó trong cuộc sống hoặc trong văn học, nghệ thuật.  - Văn nghị luận trung đại vừa có yếu tố nghị luận lại vừa có yếu tố của văn hình tượng, vừa thuyết phục bằng lí lẽ vừa thuyết phục bằng hình ảnh và tình cảm của người viết.  - Văn nghị luận hiện đại chủ yếu nêu lên quan điểm, ý kiến của người viết; thuyết phục người đọc bằng lí lẽ và bằng chứng, coi trọng tính logic trong lập luận. |

**2.2. Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được những nét chung về văn bản: nội dung chính, bố cục,...

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **2.1. Đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý các mốc thời gian và các trích dẫn về tác phẩm của Hồ Chí Minh  - Gọi một vài HS đọc theo từng đoạn/phần và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm:** HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **2.2. Đọc, xác định bố cục và nội dung chính**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  - Làm việc theo nhóm bàn  - Đọc lướt văn bản, hoàn thiện bảng kiến thức thứ 2  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03**  **Tìm hiểu chung về văn bản**  **+** Dựa vào nhan đề cho biết văn bản đề cập đến vấn đề gì?  + Các thông tin trong văn bản được thu thập/lấy từ các lĩnh vực nào?  + Văn bản *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp*gồm mấy phần, mỗi phần giới thiệu cho người đọc nội dung gì?  **Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc lướt SGK, đọc bảng kiến thức, suy nghĩ  - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở. | **II. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc,**  **2. Xác định bố cục, nội dung chính của văn bản**  **- Nhan đề của văn bản** nêu bật được hai nội dung chính mà VB đề cập: Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh  - Các thông tin trong văn bản thuộc các lĩnh vực lịch sử, nghiên cứu và phê bình văn học…  **- Bố cục văn bản:** Gồm 2 phần:  **+ Phần I** **– Hồ Chí Minh – Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa:**  + + Giới thiệu các thông tin về Hồ Chí Minh- Anh hùng dân tộc: thân thế, tiểu sử và quê hương.  + + Giới thiệu các thông tin về Hồ Chí Minh - Danh nhân kiệt xuất: những đóng góp quan trọng về văn hóa của Người.  **+ Phần II** **– Hồ Chí Minh – nhà văn, nhà thơ lớn:**  ++ Giới thiệu sự nghiệp sáng tác văn học lớn lao và phong phú của Người.  ++ Khẳng định phong cách nghệ thuật đa dạng mà thống nhất trong sáng tác của Người. |

**2.3. Đọc- hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu :**

**-** Học sinh nắm được những nét chính về tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Thấy được những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trên phương diện văn hóa, văn học.

- Thấy được mối liên hệ giữa bài học về tác gia với các bài học đọc hiểu văn bản tiếp theo.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Hình thức; Trao đổi, tọa đàm về “*NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH – CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP*”**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  (1) Dựa vào văn bản trên, em hãy trình bày những điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh bằng một sơ đồ.  (2) Từ nội dung bài học, phân tích và làm sáng tỏ hai điểm sau:  a) Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người  b) Đó là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú.  (3) Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất?  (4) Em hiểu như thế nào về nhận xét: “Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam”?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 5 nhóm  - 01 MC sẽ được GV hỗ trợ trực tiếp  - Nhóm 1 – Nhà sử học: HS hóa thân thành nhà sử học để trình bày những điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh bằng một sơ đồ.  - Nhóm 2 – Nhà nghiên cứu văn hoá 1: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người  - Nhóm 3 – Nhà nghiên cứu văn hoá 2: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú.  - Nhóm 4 - Nhà nghiên cứu, phê bình văn học: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất.  **+** Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức buổi học thành buổi toạ đàm với chủ đề “*Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – cuộc đời và sự nghiệp*”:  Nhóm 1 - MC:  (1) Chào các bạn! Hôm nay nhóm phóng viên chúng tôi sẽ đưa các bạn đến Làng Sen (Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An), hoặc một khu di tích lịch sử về Người (gắn với địa phương cụ thể) Các bạn có đoán được vì sao chúng tôi có mong muốn dẫn các bạn về nơi này không?  - MC: phỏng vấn các bạn trả lời nhanh (Nhóm 5 – Độc giả)  - Dự kiến: có lẽ là nơi giúp ta hiểu rõ hơn về Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, vì nơi đây là.... (gắn với sự kiện lịch sử về Bác như quê hương, nơi Bác ra đi tìm đường cứu nước, nơi Bác hoạt động cách mạng, nơi Bác ghé thăm, ...)  - MC: Thuyết minh đôi nét về địa danh được lựa chọn buổi tọa đàm để tạo không khí lịch sử...  Tham gia buổi nói chuyện với chúng ta ngày hôm nay còn có những nhà nghiên cứu sử học, nghiên cứu văn hoá, văn học – những người sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về cuộc đời và những đóng góp tinh hoa về văn hoá, văn học mà mà Hồ Chí Minh đã để lại cho đời.  (2) Xin ông cho biết, những điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh (Nhóm 1 – Nhà sử học)  (3) Sinh thời, Hồ Chí Minh không tự nhân mình là nhà văn, nhà thơ, nhưng thục tiễn toàn bộ sáng tác thơ văn của Người với hàng trăm tác phẩm ở nhiều thể loại khác nhau. Đó là bằng chứng hùng hồn về một sự nghiệp phong phú và lớn lao.  - Xin nhà nghiên cứu văn hóa cho biết: *Tại sao có thể nói sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người.*  *- Và cơ sở nào để chúng ta có thể khẳng định sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú.*  (Nhóm 2,3 – Nhà văn hóa)  (5) Thưa ông/ bà, tôi được biết ông/bà đã dày công nghiên cứu về thơ văn Hồ Chí Minh và đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về sự nghiệp văn học của Người. Vậy xin ông /bà cho biết, *vì sao có thể nói: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất* (Nhóm 4 – Nhà phê bình văn học)  (6) Bạn hiểu như thế nào về nhận xét: “Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam”? ( Nhóm 5 - Độc giả)  Dự kiến: HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức (trình chiếu dự kiến sản phẩm) | **III. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1. Cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh**  **\* Về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh có hai điểm nổi bật:**  **- Anh hùng dân tộc:**  + Tên thủa nhỏ Nguyễn Sinh Cung, lớn lên lấy tên là Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh.  + Quê hương, gia đình: Làng Sen, Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Cha là cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, mẹ là cụ Hoàng Thị Loan.  + Quá trình đi tìm đường cứu nước ở nước ngoài: từ 1911 đến 1941, Người ở Pháp, Nga, Trung Quốc, Thái Lan, ...Năm 1930, người đã sáng tập ra Đảng cộng sản Việt Nam.  + Năm 1941, Người về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng, tổ chức lực lượng tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám thành công, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945); lãnh đạo nhân dân tiến hành hai cuộc khánh chiến chống Pháp và Mỹ.  **- Danh nhân văn hóa kiệt xuất:**  + Văn hóa: sáng tác trên nhiều lĩnh vực: văn học nghệ thuật, báo chí, tuyên truyền, giáo dục, ...  + Hoạt động văn hóa ở nhiều phương diện: lí luận, cử chỉ, việc làm, mối quan hệ với nhân dân, bạn vè quốc tế.  + Tư tưởng sâu sắc, nhất quán là yêu nước, thương dân  **\* Về sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh có những nội dụng đáng lưu ý sau:**  + Sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc  + Sự nghiệp văn học: truyện, thơ, văn nghị luận, ...  **2. Hồ Chí Minh- nhà văn, nhà thơ lớn**  **a. Một sự nghiệp văn học phong phú lớn lao**  **\* Sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của người**  - Thời kì hoạt động cách mạng ở Pháp (những năm đầu thế kỉ XX)  + Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* với mục đích tố cáo tội các và sự lừa dối của thực dân Pháp với nhân dân các nước thuộc địa.  + Truyện: *Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Vi hành, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*, ...với mục đích xây dựng hình ảnh về ông vua bù nhìn Khải Định, tên thực dân Va-ren trơ tráo, giả dối và hình tượng người yêu nước Phan Bội Châu uy nghi lẫm liệt  - Thời điểm cách mạng tháng Tám thành công, người viết *Tuyên ngôn độc lập* nhằm mục đích tuyên bố với thế giói về nên độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập.  - Thời kì ở Việt Bắc, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, Người viết các tác phẩm *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, ... và các bài thơ tuyên truyền vận động cách mạng như *Cảnh rừng Việt Bắc, Đi thuyền trên sông Đáy, Báo tiệp,* ... thể hiện tình cảm sâu nặng của Bác với đất nước, ca ngợi, động viên những con người kháng chiến.  ***Nhận xét:***  - Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận.  - Luôn chú trọng tính chân thực và tính dân tộc trong văn học: Người yêu cầu văn nghệ sĩ phải *“miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn”* những đề tài hiện thực phong phú của cách mạng; nhắc nhở giới nghệ sĩ *“nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc*”, phải *giữ tình cảm chân thật*, và đề cao sự sáng tạo*: “chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo”.*  - Khi cầm bút, Người luôn xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. Người luôn đặt câu hỏi: “*Viết cho ai*?” (Đối tượng), “*Viết để làm gì*?” (Mục đích) rồi mới quyết định: “*Viết cái gì*?” (Nội dung) và “*Viết thế nào*?” (Hình thức).  **\* Đó là một sự nghiệp phong phú lớn lao**  **- Di sản văn học lớn lao và phong phú**  **+ Văn chính luận:** gồm những tác phẩm chủ yếu nhằm mục đích đấu tranh chính trị, tiến công kẻ thù, thức tỉnh và giác ngộ quần chúng và thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử...Các tác phẩm tiêu biểu:*Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Tuyên ngôn độc lập (1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946), Không có gì quý hơn độc lập, tự do (1966) ...*  **+ Truyện và kí:** nhằm vạch trần bộ mặt, tàn ác, xảo trá, bịp bợm của chính quyền thực dân; châm biếm một cách thâm thuý, sâu cay bọn vua quan phong kiến ôm chân thực dân; bộc lộ lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc. **Các tác phẩm tiêu biểu:** *Pa-ri (1922), Lời than vãn của bà Trưng Trắc (1922), Con người biết mùi hun khói (1922), Vi hành (1923), Nhật kí chìm tàu (1931)...*  **+ Thơ ca:** “*Nhật kí trong tù*” tái hiện bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân Đảng- một phần hình ảnh xã hội Trung Quốc,thể hiện bức chân dung tinh thần tự hoạ của Hồ Chí Minh - một bậc “đại nhân, đại trí, đại dũng”. Những bài thơ làm ở Việt Bắc (từ 1941- 1945), trong thời kì khắng chiến chống Pháp, chống Mỹ thể hiện một tài thơ lớn, một tâm hồn nghệ sĩ phong phú, tinh tế trước vẻ đẹp cảu tạo vật, tình người.  **b. Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh đa dạng mà thống nhất**  **- Độc đáo, đa dạng:** mỗi thể loại văn học, Người đều có cách riêng, độc đáo, hấp dẫn:  ***+ Văn chính luận:***  Ngắn gọn, súc tích, tư duy sắc sảo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy sức thuyết phục, giàu tính chiến đấu và đa dạng về bút pháp.  ***+ Truyện và kí:*** Mang tính hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng vừa sắc bén, thâm thuý của phương Đông, vừa hài hước hóm hỉnh của phương Tây.  ***+ Thơ ca:*** Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền có lời lẽ giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại, vừa dễ nhớ vừa dễ thuộc, vừa có sức tác động trực tiếp vào tình cảm người đọc, người nghe. Những bài thơ viết theo cảm hứng nghệ thuật lại hàm súc, có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giàu chất trữ tình và tính chiến đấu.  **- Thống nhất:**  + Nội dung: tập trung vào đề tài “chống thực dân đế quốc, chống phong kiến đại chủ, tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; trong nội dung, tư tưởng thấm nhuần tình cảm yêu nước, tinh thần dân chủ và lập trường dân tộc;  + Hình thức: lối viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị đi đôi với sự sáng tạo linh hoạt, luôn có sự kết hợp tự nhiên, hài hòa giữa phong vị cổ điển và tính hiện đại. |

**2.4. Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật  - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút.  - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **IV. TỔNG KẾT**  **1.** **Về nội dung:**  + Giới thiệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng của dân tộc, anh nhân văn hóa kiệt xuất, nhà văn hóa, nhà thơ nổi tiếng của đất nước.  + Sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần của vĩ lãnh tụ vĩ đại, của nhân dân Việt Nam, không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn có giá trị lịch sử, văn hóa, chính trị, ...  **2. Về nghệ thuật:**  + Luận đề, luận điểm rõ ràng; chứng cứ phong phú, thuyết phục.  + Văn bản kết hợp thuyết minh (phần I) và nghị luận (phần II). |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy HS vẽ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu**: Hãy nêu dàn ý cho bài thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh nếu em được chuẩn bị cho buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm/ bàn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Các nhóm treo sản phẩm học tập lên bảng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, cho điểm các nhóm | **V. LUYỆN TẬP**  Dàn ý cho bài thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh:   1. Cuộc đời   a) Cuộc đời của một anh hùng dân tộc  b) Danh nhân văn hóa kiệt xuất  2. Sự nghiệp thơ văn  a) Một sự nghiệp thơ văn lớn lao và phong phú.  b) Một phong cách nghệ thuật đa dạng mà thống nhất. |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**GV nêu yêu cầu:** Là đoàn viên, thanh niên, em thấy mình cần phải làm gì để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh. Viết đoạn văn 10-15 dòng bày tỏ quan điểm của em về vấn đề đó.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, những điều HS chia sẻ.

- GV định hướng câu trả lời:

Muốn thực hiện được vai trò của mình, mỗi thanh niên cần cố gắng thực hiện tốt những điều sau:

- Phải sống phải có lí tưởng, có mục tiêu phấn đấu, hoàn thành mục tiêu của bản thân là tiền đề cho việc hoàn thành mục tiêu lớn của đất nước.

- Phải đặt quyền lợi của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết và trước hết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra nguyên tắc: Lợi ích cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài.

- Phải có đạo đức cách mạng. Người đoàn viên, thanh niên phải luôn cố gắng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình được giao, khi gặp thắng lợi thì không kiêu căng, chủ quan, tự mãn; khi gặp khó khăn, gian khổ, trở ngại thì không hoang mang, dao động.

- Phải góp phần tổ chức thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

- Phải luôn luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, học nữa và học mãi,…đó là những điều mà Hồ Chí Minh đã luôn thực hiện trong cuộc sống của chính bản thân mình và là tấm gương giáo dục, rèn luyện cho mỗi đoàn viên, thanh niên.

**Rubric đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 10-15 dòng) | **0,5** |
| **Nội dung** | Trình bày được những điều cần phải làm gì để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh. | |
| Giới thiệu vấn đề | **1** |
| Trình bày cụ thể về những việc cần làm để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh | **6** |
| Khẳng định, khái quát vấn đề | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,... | **1,0** |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

**- Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết:...**

**VĂN BẢN 2: Tuyên ngôn độc lập**

**- Hồ Chí Minh-**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* **HS biết đọc hiểu văn bản** **nghị luận:**

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu văn bản *Tuyên ngôn độc lập.*

- Chỉ ra và phân tích được cách tác giả sử dụng các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích.

- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá được hiệu quả của các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.

- Đánh giá được giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn độc lập*.

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong thực tiễn.

**2*.* Phẩm chất:** Biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn độc lập của Tổ quốc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ đối với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị:

- Tivi có mạng internet, kết nối với máy tính của GV

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kết nối tri thức cũ.

- Tạo hứng thú.

**b. Nội dung hoạt động:** Xem vi deo và thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1:** Gv yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm sưu tầm những tư liệu về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập (đã thực hiện ở nhà), chuẩn bị chia sẻ trước lớp.  **Cách 2:** GV nêu yêu cầu: Xem video và cho biết nội dung chính của video là gì? Chia sẻ cảm xúc của em khi xem vi deo trên.  https://youtu.be/Hd\_r8W19WWI?si=ssql7GqlsTjAewdN **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**  - HS xem sán phẩm sưu tầm về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập/ video, đưa ra câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đưa ra câu trả lời: Video/ tư liệu đã cho chúng ta được sống trong không khí xúc động, tự hào khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, chính thức tuyên bố về quyền độc lập của dân tộc ta. Đó là thời khắc thiêng liêng của lịch sử dân tộc, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm, chấm dứt hơn tám mươi năm đô hộ của thực dân Pháp, mở ra cho dân tộc ta một trang sử mới. Đó là sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh là một áng văn chính luận bất hủ. Chúng ta cùng tìm hiểu VB để cảm nhận giá trị của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*. | - Câu trả lời của HS |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2. 1. Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những nét chung về văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

**-** Biết đọc thể loại nghị luận qua văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về văn bản

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn HS đọc văn bản**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  (1) **Đọc:** Khi đọc cần chú ý giọng đọc: to, rõ ràng, hùng hồn, đanh thép, xúc động, nhấn mạnh từ ngữ lặp đi lặp lại,  Trong khi đọc: chú ý các trích dẫn, cách lập luận của tác giả, ..  - GV đọc mẫu, gọi một số HS đọc  - GV có thể cho HS đọc VB ở nhà và kiển tra thông qua các nội dung được nêu ở cột bên phải của VB.  (2) Chú ý đọc từ khó ở chân trang:  *- Hội nghị tê-hê-răng*  *- Hội nghị Cựu Kim Sơn*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc VB, theo dõi quá trình đọc, trao đổi theo từ khó để hiểu nghĩa của từ  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS khác nghe, nhận xét  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **NV2: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn HS hoạt động nhómđôi  Nhóm :  **HS thực hiện phiếu học tập số 01**   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu | Trả lời | | a. Trình bày hoàn cảnh ra đời của văn bản *Tuyên ngôn độc lâp.* | ............ | | b. Xác định thể loại của văn bản. | .......... |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **GV bổ sung thêm (nếu cần)** | **I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc, tìm hiểu từ khó**  **2. Tìm hiểu chung về văn bản**  **a. Hoàn cảnh ra đời**  **-** Sau chiến thắng của quân Đồng minh (1945), Nhật đầu hàng, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc (đằng sau là thế lực Mỹ) tiến vào miền Bắc, quân đội Anh (đằng sau là lính viễn chinh Pháp) tiến vào miền Nam nước ta. Thực dân Pháp tuyên bố, Đông Dương là đất “bảo hộ” của Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đầu hàng đồng minh, Pháp lại đứng về phe Đồng minh chống phát xít, vậy Đông Dương đương nhiên là của Pháp.  *- Tuyên ngôn độc lâp* được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ở quảng trường Ba Đình, Hà Nội vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước quốc dân đồng bào, nhằm bác bỏ dứt khoát luận điệu của người Pháp.  **b Thể loại:** văn bản nghị luận (chính luận) |

**2.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu văn bản *Tuyên ngôn Độc lập.*

- Chỉ ra và phân tích được cách tác giả sử dụng các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích.

- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá được hiệu quả của các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.

- Đánh giá được giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn độc lập*.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi, nhóm để tìm hiểu kiến thức về văn bản

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1. Đọc, xác định mục đích, nội dung chính**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM ĐÔI**  **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Tiếp tục làm việc cặp đôi, đọc văn bản và hoàn thiện bảng kiến thức sau:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**  TÌM HIỂU BỐ CỤC, MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG TỚI CỦA VB  **Yêu cầu:**  1. Mục đích của văn bản *Tuyên ngôn độc lập là* gì và hướng tới những đối tượng nào?  2. Xác định bố cục và mạch lập luận của văn bản Tuyên ngôn độc lập  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | Mục đích văn bản:........................  Đối tượng hướng tới:.................... | | | Phần | Nội dung | | .................... | ................... | | ................... | .................. | | ................... | ................... |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 3 HS đại diện cho 3 cặp đọc và thực hiện các yêu cầu  - HS dưới lớp hoàn thiện bảng vào vở  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức | **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **1. Mục đích, nội dung chính của văn bản**  **\* Mục đích của văn bản *Tuyên ngôn độc lập***: Tuyên bố với thế giới về độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”  **\* Đối tượng hướng tới:**  - Toàn thể nhân dân Việt Nam  - Cộng đồng thế giới  - Đặc biệt là bọn thù địch đang muốn chiếm nước ta (thực dân Pháp và đế quốc Mỹ)  **\* Bố cục văn bản: 3 phần**   |  |  | | --- | --- | | **Phần** | **Nội dung** | | (1) Từ đầu đến “*không thể chối cãi được*” | Cơ sở pháp lí | | (2) từ “Thế mà hơn 80 năm nay” đến “*Dân tộc đó phải được độc lập!*” | Cơ sở thực tiễn | | (3) Còn lại | Lời tuyên ngôn | |
| **Thao tác 2. Đọc, xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của *Tuyên ngôn độc lập***  **HOẠT ĐỘNG NHÓM BÀN**  ***\** Tìm hiểu về bố cục và luận điểm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi, thời gian 5 phút câu hỏi sau:  *- Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm trong VB.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .  Tham khảo sơ đồ về luận đề, luận điểm của VB. | **2. Luận đề, luận điểm và lí lẽ, bằng chúng của văn bản**  **- Luận đề:** Khẳng định quyền bất khả xâm phạm của nước Việt Nam và tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  **- Luận điểm:**  + Luận điểm 1: Cơ sở pháp lí  + Luận điểm 2: Cơ sở thực tiễn:  + + Tố cáo tội ác của thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam .  + + Bác bỏ luận điệu bảo hộ, tuyên bố thoát li quan hệ với Pháp.  + Luận điểm 3: Lời tuyên bố  Quyền độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc; kêu gọi thế giới công nhậ quyền độc lập của Việt Nam  **\* Lí lẽ và bằng chứng**   |  |  | | --- | --- | | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | 1- Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do | - Trích bản tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776  - Trích bản tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1791 | | 1- Suốt 80 năm, thực dân Pháp đã tước quyền độc lập, tự do của dân tộc Viên Nam trên mọi phương diện  2- Từ mùa thu năm 40, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật. Chúng ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ Pháp  3. Dân tộc ta phải được tự do, độc lập | - Chúng thi hành luật dã man, lập nhiều nhà tù, ...  - Chúng bóc lột tận xương tủy nhân dân... Từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn triệu đồng bào ta bị chết đói  - Trong năm năm chúng bán nước ta hai lần cho Nhật,...  - Chúng thẳng tay khủng bố Việt Minh, giết tù chính trị, ...  - Pháp chạy, Nhật hàng, .... | | Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và quyết giữ cho được nền độc lập đó. | | |
| **Thao tác 3. Đọc, phân tích đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Tuyên ngôn độc lập***  **HOẠT ĐỘNG NHÓM LỚN**  **GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm**  - Nhóm 1: *Thực hiện PHT số 03 –* Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của Tuyên ngôn độc lập  - Nhóm 2: PHT số 04:- Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*  - Nhóm 3: PHT số 05: Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*  - Nhóm 4: PHT số 06: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập*  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm.   |  | | --- | | **Nhóm 1: PHT số 03:**  **Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của *Tuyên ngôn độc lập***  1. Việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp có tác dụng gì đối với các đối tượng mà *Tuyên ngôn Độc lập* hướng tới?  2. Từ đó, nhận xét về thủ pháp nghệ thuật được sử dụng để tạo sức thuyết phục cho phần cơ sở pháp lí.  3. Chỉ ra và nhận xét về tác dụng của các thao tác nghị luận được sử dụng trong phần cơ sở pháp lí và tác dụng của việc sử dụng kết hợp các thao tác nghị luận này. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm 2: PHT số 04:**  **Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***  **Yêu cầu:** Đọc lại phần từ “*Thế mà hơn 80 năm nay”* cho đến “*Dân tộc đó phải được độc lập!*” và cho biết:  - Tác giả đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để bác bỏ luận điểm “khai hoá, bảo hộ” của Pháp và khẳng định quyền tự do, độc lập của nước Việt Nam?  - Nhận xét về cách lựa chọn, sắp xếp, triển khai các lí lẽ, bằng chứng ấy.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điệu của thực dân Pháp** | **Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh** | **Nhận xét** | | .............. | ............... | ............... | | ............. | ............... | ............... | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm 3: PHT số 05:**  **Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***  **Yêu cầu:** Đọc lại phần từ “*Thế mà hơn 80 năm nay”* cho đến “*Dân tộc đó phải được độc lập!*” và cho biết:  *Xác định và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu khẳng định, phủ định trong phần này.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Phương diện* | *Biểu hiện trong văn bản* | *Tác dụng* | | Từ ngữ | ............... | ..................  .................. | | Biện pháp tu từ | ..................  .................. | | Câu khẳng định, phủ định | ..................  .................. | ..................  .................. | |  |  | | --- | | **Nhóm 4: PHT số 06:**  **Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập***  1. Ở phần 3 của VB, tác giả đại diện cho ai, và đã tuyên bố điều gì?  2. Lời tuyên bố ở cuối VB đã đạt được các điều kiện khách quan, chủ quan gì để thế giới công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam?  3. Chi ra và nhận xét về tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,…) trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố |   **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ  GV quan sát, khích lệ HS  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện các nhóm trình bày  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **3. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Tuyên ngôn độc lập***  **a. Nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của *Tuyên ngôn độc lập***  **- Tác dụng của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp:**  + Hai bản tuyên ngôn: khẳng định quyền sống, quyền tự do.  + Khẳng định nguyên lí chung về quyền độc lập, tự do và hạnh phúc của tất cả mọi người, mọi dân tộc trên thế giới. Đây là cơ sở pháp lí quan trọng làm tiền đề cho những lập luận ở phần sau.  + Đặt ngang hàng ba bản tuyên ngôn, gián tiếp thể hiện niềm tự hào, sự tự tôn của dân tộc.  **- Sử dụng thủ pháp:** “gậy ông đập lưng ông”, tố cáo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang phản bội lại những tuyên ngôn tốt đẹp mà cha ông họ đã lập ra.  **- Tác giả Hồ Chí Minh đã kết hợp các thao tác nghị luận:**  + **Giải thích:** Giải thích ý nghĩa Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ: *“Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình bằng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.*  + **Chứng minh:** Trích dẫn nguyên văn hai bản tuyên ngôn của nước Mỹ và Cách mạng Pháp.  + **Bình luận:** *“Đó là những lí lẽ không ai chối cãi được”.*  **->Tác dụng***:* Khẳng định cơ sở pháp lí làm nền tảng cho các lập luận và lời tuyên bố. Đây là điểm tựa vững chắc để các luận điểm sau được phát triển một cách thuyết phục và đa dạng, qua đó làm sáng tỏ luận đề và thực hiện mục đích của toàn VB (khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của nước).  **b. Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn và lời tuyên gọi**  **\* Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***  **- Nghệ thuật lập luận của tác giả Hồ Chí Minh:** Cách lập luận để bác bỏ luận điệu “bảo hộ, khai hoá” của thực dân Pháp và quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điệu của thực dân Pháp** | **Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh** | **Nhận xét** | | Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công “bảo hộ” Đông Dương. | Pháp không có công bảo hộ, mà trái lại, đã gây ra nhiều tội ác “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”. | - Nêu được tội ác trên nhiều phương diện: về chính trị, về kinh tế – xã hội, soi chiếu cả trên phương diện lương tâm và đạo đức.  - Bằng chứng xác thực.  - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, giàu tính biểu cảm (phép điệp, phép liệt kê, cách diễn đạt giàu hình ảnh). | | Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiễm nhiên thuộc quyền bảo hộ của người Pháp. | - Thực dân Pháp đã “dã man hai lần bán nước ta cho Nhật”. – Thực dân Pháp không đáp lại lời kêu gọi chống Nhật của Việt Minh, thẳng tay khủng bố Việt Minh, tức là đã phản bội quân Đồng minh, về phe Nhật.  – Dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp, nên không còn là thuộc địa của Pháp nữa.  – Vua Bảo Đại thoái vị, dân ta đã thoát khỏi ách xiềng xích của thực dân, chế độ quân chủ, thành lập Lâm thời Chính phủ mới, nên có quyền tuyên bố cách li và vô hiệu hoá các thoả thuận mà nhà Nguyễn đã kí với Pháp. | - Nêu lí lẽ trên nhiều phương diện, phân tích xác đáng cục diện chính trị đương thời.  - Bằng chứng xác đáng, thuyết phục, với những mốc thời gian, sự kiện cụ thể, xác thực.  - Cách sắp xếp hợp lí, vừa theo trình tự thời gian vừa theo tính chất quan trọng của vấn đề.  – Đã đưa ra được những nguyên tắc dân tộc bình đẳng được Liên hợp quốc công nhận để làm sáng tỏ các lập luận của mình, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.  - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, hùng hồn. |   **- Đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***  + **Các từ ngữ**: thuần Việt, trong sáng, dễ hiểu:  + +Từ để gọi thực dân Pháp (“*bọn thực dân Pháp”, “chúng”)*;  + + Từ ngữ để gọi nhân dân Việt Nam (*“đồng bào ta”, “nhân dân ta”, “những người yêu nước thương nòi của ta”, “dân ta”, “các nhà tư sản ta”,…).*  + **Biện pháp tu từ**: sử dụng nhiều biện pháp tu từ đa dạng , hiệu quả:  + + Liệt kê, điệp ngữ, điệp cấu trúc: *“Chúng thi hành những luật dã man ...Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta.... Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.*  + + Ẩn dụ, hoán dụ: “*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta”;* “*tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*”),…  -> **Tác dụng**:  + Thể hiện sự căm phẫn trước tội ác của thực dân Pháp, nỗi thương xót đối với người dân Việt Nam khi phải gánh chịu những tội ác ấy; + Góp phần tăng tính thuyết phục cho VB bằng cách khơi gợi sự đồng cảm, xót xa, phẫn nộ nơi người đọc**.**  **+ Các kiểu câu khẳng định, phủ định:** hầu như các câu văn trong văn bản đều là câu khẳng định và câu phủ định.  **->Tác dụng:**  + + Khẳng định tội ác của giặc bằng cách điệp cấu trúc: “*Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào”,…*  + + Phủ định luận điệu “*nhân đạo, chính nghĩa”* của Pháp: Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.  **\* Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập***  Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố:  - Những cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc để thoát li quyền bảo hộ của Pháp, tuyên bố sự sụp đổ của triều đình phong kiến nhà Nguyễn (“*Vì những lí lẽ trên*”).  - Sự xuất hiện chính danh của một chính phủ đại diện cho nhân dân Việt Nam, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam (“*chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*”).  - Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy.  Điểm đặc sắc của *Tuyên ngôn Độc lập* đó là lời tuyên bố cuối VB đã khẳng định điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan  + Điều kiện khách quan:  + + Cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc, không thể chối cãi, phù hợp với công ước quốc tế;  + + Chứng minh sự không lệ thuộc vào bất kì thế lực chính trị nào;  + + Khẳng định quyền tự quyết về mọi mặt của dân tộc;  + Điều kiện chủ quan:  + + Toàn dân tộc thực sự có ý chí về quyền độc lập, tự do và có quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do. Từ đó, Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước thế giới quyền độc lập, tự do, bất khả xâm phạm của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, của nhân dân Việt Nam.  **- Từ ngữ, lời văn dạt dào tình cảm, cảm xúc, lúc sôi sục, quyết liệt:**  “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”*  -> Tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung lời tuyên bố: hùng hồn, đanh thép, trong việc khẳng định mạnh mẽ và thuyết phục nội dung lời tuyên bố |

**2.3. Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu yêu cầu:  + Hãy khái quát ý nghĩa của bản *Tuyên ngôn độc lập.*  + Theo em, những yếu tố nghệ thuật nào đã giúp *Tuyên ngôn Độc lập* trở thành một áng văn chính luận bất hủ?  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp  - Trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bản tuyên ngôn độc lập là kết tinh tư tưởng không chị sống quỳ, khẳng định ý chí quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước và nhân ái, khoan dung của truyền thống dân tộc từ ngàn xưa.  **2. Nghệ thuật**  - Hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng.  - Giọng điệu đanh thép, lời văn như chất vấn, kết tội kẻ thù.  - Ngôn ngữ hùng hồn, sắc bén.  - Sử dụng yếu tố biểu cảm, linh hoạt.  - Sử dụng tính phủ định và khẳng định phù hợp trong văn bản nghị luận. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố kiến thức. Phát triển năng lực đặc thù cho HS

**b. Nội dung**: Sân khấu hoá đoạn trích.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV nêu yêu cầu:  **Câu 1.**Giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập* được thể hiện như thế nào?  **Câu 2.** Em học được gì từ nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh?  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi 2-3 HS đọc đoạn văn trước lớp  - Tổ chức cho HS trong lớp đánh giá bằng bảng kiểm  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét các đoạn văn của HS | **IV. Luyện tập**  **Câu 1.** Giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập* được thể hiện qua:  - Vb đã tái hiện sinh động những sự kiện lịch sử đã xảy ra sau ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố quyền độc lập; qua đó cảnh báo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang có âm mưu xâm lược nước ta.  - Tuyên bố chấm dứt chế độ phong kiến ở nước ta hơn 1.000 năm, hơn 80 năm xâm lược của thực dân Pháp và 5 năm giày xéo của phát xít Nhật.  - Khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc.  – Chống lại âm mưu tái chiếm Việt Nam của thực dân và ý đồ can thiệp vào nước ta của một số nước đế quốc khác; khẳng định vị thế của dân tộc trên trường quốc tế.  **Câu 2.** Một số bài học rút ra được từ nghệ thuật viết văn chính luận.  - Cần xác lập một hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng phù hợp.  - Chú ý lựa chọn giọng điệu phù hợp với vấn đề bàn luận.  - Kết hợp yếu tố biểu cảm phù hợp.  - Chọn lựa từ ngữ, kiểu cẩu, các biện pháp tu từ cho phù hợp để bài viết hấp dẫn. |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**b. Nội dung**: HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Cuộc phỏng vấn

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV dẫn dắt và nêu yêu cầu: Trao đổi với bạn bên cạnh và trả lời câu hỏi: Viết đoạn văn phân tích nét đặc sắc của phần đầu văn bản *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh.  **Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận**  HS thực hiện nhiệm vụ trước lớp  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét phần diễn xuất, các câu hỏi phỏng vấn, nhấn mạnh vào bài học lịch sử. | **1.1 Mở đoạn** Giới thiệu khái quát tác phẩm “*Tuyên ngôn độc lập*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phần mở đầu.  **1.2 Thân đoạn**  **a. Giá trị nội dung của phần mở đầu bản tuyên ngôn**  - Phần mở đầu nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn.  –-Tác giả đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn: Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 nhằm:  + Khẳng định các quyền lợi cơ bản của con người: Quyền sống, quyền bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc.  + Nhắc nhở những hành động của bọn đế quốc, thực dân đang đi ngược lại và làm trái với những điều mà đất nước họ từng dõng dạc tuyên bố.  – Từ việc trích dẫn về quyền con người để làm dẫn chứng, tác giả đã nâng tầm và mở rộng thành quyền dân tộc.  **b. Giá trị nghệ thuật của phần mở đầu bản tuyên ngôn**  - Tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho các phần còn lại.  - Dẫn chứng xác thực góp phần củng cố lý lẽ, luận điểm đanh thép của tác phẩm.  - Lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục, vừa khôn khéo vừa kiên quyết.   c. Thông điệp của tác giả gửi gắm qua đoạn đoạn văn. Ý nghĩa của đoạn văn đối với em. **1.3 Kết đoạn** Đánh giá vai trò của phần mở đầu đối với tác phẩm “*Tuyên ngôn độc lập*”. |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Cấp độ***  ***Tiêu chí*** | ***Tốt***  ***(4 điểm)*** | ***Khá***  ***(3 điểm)*** | ***Trung bình***  ***(2 điểm)*** | ***Cần điều chỉnh***  ***(1 điểm)*** |
| ***1. Sự tham gia*** | Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép. | Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép. | Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc. | Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao. |
| ***2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm*** | Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân. | Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân. | Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm. | Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng. |
| ***3. Sự hợp tác*** | Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung. |
| ***4. Sự sắp xếp thời gian*** | Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm. | Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm. | Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm. | Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi. |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ) | **0,5** |
| **Nội dung** | Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật một văn bản nghị luận | |
| Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn văn | **1** |
| Phân tích những đặc sắc về nội dung của đoạn văn | **1** |
| Đánh giá, nhận xét về những đặc sắc đó. | **2** |
| Phân tích những đặc sắc về nghệ thuật. | **2** |
| Đánh giá, nhận xét về những đặc sắc đó. | **1** |
| Thông điệp của tác giả gửi gắm qua đoạn đoạn văn. Ý nghĩa của đoạn văn đối với HS. | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,... | **1,0** |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản cùng thể loại, đề tài, chủ đề.

**- Chuẩn bị bài:** Nhật kí trong tù (Hồ Chí Minh): *Ngắm trặng, Lai Tân...*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**VĂN BẢN 3:**

|  |
| --- |
| ***NHẬT KÍ TRONG TÙ***  ***(Ngục trung nhật kí)***  ***Hồ Chí Minh*** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực :**

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.

- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình và thơ châm biếm hài hước viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).

- Phân tích được một số nét đặc sắc của các bài thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí

Minh.

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

**2 . Phẩm chất**

- Trân trọng tài năng văn chương của Hồ Chí Minh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo

- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

*- Hãy nêu tên một số tập thơ, bài thơ của Hồ Chí Minh hoặc tác phẩm văn học mà em biết. Hãy đọc một bài thơ của Bác, hoặc giới thiệu về tác phẩm mà em yêu thích. Vì sao em yêu thích tác phẩm đó?*

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS phát biểu.

**=> Dự kiến sản phẩm:**

- Một số bài thơ của Hồ Chí Minh: *Ngắm trăng, Chiều tối (Mộ), Không ngủ được, Nghe tiếng chày giã gạo,…*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chiều tối**  *Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ Chòm mây nhè nhẹ giữa tầng không Cô em xóm núi xay ngô tối Xay hết, lò than đã rực hồng* | **Không ngủ được**  *Một canh...hai canh...lại ba canh Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng lành Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt Sao vàng năm cánh mộng hồn bay.* |
| **Ngắm trăng**  *Trong tù không rượu cũng không hoa* *Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ* *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ* *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.* | **Nghe tiếng chày giã gạo**  *Gạo đem vào giã bao đau đớn Gạo giã xong rồi trắng tựa bông Sống trên đời người cũng vậy Gian nan rèn luyện mới thành công.* |

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**GV dẫn dắt vào bài:** Ở phần tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các em đã được biết, sự nghiệp văn chương của Người vô cùng lớn lao. Người không chỉ viết văn chính luận, báo chí, mà Người còn là một nhà thơ vĩ đại. Mặc dù, sinh thời, Bác Hồ không tự nhận mình là nhà thơ, nhà văn nhưng thự tiễn toàn bộ sáng tác của Người đã cho thấy Người là một nhà thơ lớn. Bài thơ *Ngắm trăng* nói riêng và tập thơ *Nhật kí trong tù* nói chung là bằng chứng hùng hồn cho sự nghiệp văn học ấy.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Tìm hiểu về tập thơ *Nhật kí trong tù***

**a. Mục tiêu:**

Giúp HS đọc, tìm hiểu về hoàn cảnh ra đời, sự độc đáo về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của tác phẩm *Nhật kí trong tù*

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu về *Nhật kí trong tù***  **Bước 1:GV giao nhiệm vụ**  - GV cung cấp tư liệu về tập thơ *Nhật kí trong tù* qua trang web (hoặc in trước tài liệu cho HS)  - GV yêu cầu: Dựa vào hiểu biết của bản thân, kết hợp với kiến thức từ SGK, trang web, **em hãy giới thiệu** những nét chính về tập thơ *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh qua những bức tranh sau:  C:\Users\Admin\Desktop\tuc-canh-pac-o-ho-chi-minh.jpeg  Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc ở hang Pác Bó (Cao Bằng)  C:\Users\Admin\Desktop\nhat_ky_trong_tu-15_20_44_264.png  Trang đầu tập thơ *Nhật kí trong tù*  C:\Users\Admin\Desktop\nktt4.jpg  Trang cuối của tập thơ *Nhật kí trong tù*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi cặp đôi theo bàn.  - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - 01-02 HS giới thiệu về tập thơ *Nhật kí trong tù*  - HS bổ sung.  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV và HS cùng đánh giá chuẩn bị của HS và giới thiệu kiến thức về *Nhật kí trong tù*  + Đến nay đã được xuất bản nhiều lần, dưới nhiều hình thức khác nhau, được dịch và giới thiệu ở nhiều nước trên thế giới, nhiều lần được thể hiện bằng thư pháp chữ Việt, Hán, Triều Tiên, Nhật Bản... Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra quyết định công nhận bảo vật quốc gia cho tác phẩm "Ngục trung nhật kí".  *- Nội dung chính của tập thơ Nhật ký trong tù:*  + Chân dung Bác Hồ trong tập thơ là hình ảnh nhà ái quốc vĩ đại lúc nào cũng nóng lòng sốt ruột hướng về tổ quốc, khao khát tự do và là chiến sĩ cộng sản kiên cường bất khuất. Dù bị đầy đọa trong lao tù Người vẫn ung dung tự tại, tràn trề tinh thần lạc quan, hướng đến tương lai.  + Tâm hồn Bác cũng rất nhạy cảm với mọi biến đổi của thiên nhiên cho nên điều dễ hiểu là trong tập thơ *Nhật kí trong tù* có khá nhiều bài thơ hay của Bác viết về thiên nhiên. Có thể nói, tập thơ *Nhật kí trong tù* đã bộc lộ cốt cách của một người chiến sĩ kiên cường, bất khuất, của một thi nhân có tâm hồn rộng mở, một nghệ sĩ lớn.  *Một số nhận định về Nhật kí trong tù:*  - “Một tác phẩm văn học lớn có tác dụng giáo dục sâu sắc phầm chất đạo đức Cách mạng cho tất cả chúng ta ngày nay”. (Lời nói đầu khi xuất bản cuốn Nhật ký trong tù của Viện văn học ).  -"...Thơ thiên nhiên trong tập Ngục trung nhật kí thật sự có những bài viết rất hay.Có những phác học sơ sài,chân thực và đậm đà,càng nhìn càng thú vị,như 1 bức tranh thủy mặc cổ điển.Có những cảnh lộng lẫy sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chữ vàng.Cũng có những bài thơ làm cho người đọc nghĩ tới những bức sơn mài thâm trầm ,rộn rịp..."(Đặng Thai Mai) -"...Toàn bộ tập thơ đó là một tuyên ngôn về tự do viết với tấm lòng yêu thưong,tinh thần kiên quyết, với khí phách anh hùng của 1 người cộng sản vĩ đại"(Hoàng Trung Thông) | **I. Tìm hiểu về *Nhật kí trong tù***  **1. Hoàn cảnh sáng tác:**  Năm 1941, Sau ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc trở về nước để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Đến 13-9-8-1942, Người lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc với danh nghĩa là đại biểu của Việt Nam Đồng minh Hội, để tranh thủ sự viện trợ của thế giới. Đến thì trấn Túc Vinh (Quảng Tây), Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ.  - Suốt mười ba tháng giam cầm, chúng đã giải Người đi qua lại mười tám nhà lao.  - Trong thời gian từ 8/1942 đến 9/1943, Người đã viết *Nhật kí trong tù.*  **2. Thể loại:** thơ Đường (gồm 133 bài)  **3. Ngôn ngữ:** chữ Hán  **4. Nội dung:**  + Ghi lại cảnh sinh hoạt và những suy nghĩ tình cảm của người tù. Về phương diện này, có thể xem *Nhật kí trong tù* như một bức chân dung tự họa con người tinh thần của chủ tịch Hồ Chí Minh.  + Phản ảnh hiện thực xã hội Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch: tàn bạo, bất công đè nặng lên cuộc sống của dân lành.  + Thể hiện một tâm hồn cao đẹp của Người: tình yêu thương con người và tình yêu thiên nhiên  + Thể hiện một tinh thần bất khuất kiên cường của người chiến sĩ cộng sản. Toàn bộ tập thơ toát lên một tinh thần thép, tinh thần của một anh hùng bất khuất, luôn luôn vững bước tiến lên, bền gan chiến đấu.  **5. Hình thức:** Nhật kí |

**2.2. Đọc hiểu bài thơ “Ngắm trăng”**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.

- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).

- Phân tích được một số nét đặc sắc của các bài thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí

Minh.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Đọc bài thơ *Ngắm trăng***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Phần đọc:** GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc và đọc mẫu. Yêu cầu HS đọc bài thơ  *+ Nhận xét về cách đọc của bạn? Giọng đọc như nào cho phù hợp?*  *- Đọc: Đọc diễn cảm hoàn chỉnh bài thơ, chú ý:*  *+ Ngắt nhịp: Câu 1,2: 2/2/3*  *Câu 3,4 ngắt nhịp 4/3*  *+ Giọng điệu: âm vang, tha thiết, thanh thản.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**   * HS đọc * Gv đọc mẫu * GV điều chỉnh cách đọc cho HS   **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  CH: Tại sao em cần đọc bài thơ như vậy?  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV và HS cùng đánh giá việc đọc văn bản. | **II. Bài thơ Ngắm trăng (Vọng nguyệt)**  **1. Đọc văn bản** |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu chung về bài thơ *Ngắm trăng***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà những thông tin chính về bài thơ *“Ngắm trăng*” (Vọng nguyệt)   |  |  | | --- | --- | | Phương diện | Bài thơ “Ngắm trăng” | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Ngôn ngữ |  | | Đề tài |  | | Bố cục |  |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh trả lời cá nhân  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide. | **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả: Hồ Chí Minh**  **b. Tác phẩm:**  **\* Xuất xứ:** trích trong tập thơ *Nhật kí trong tù*  **\* Thể loại:** thất ngôn tứ tuyệt.  \* **Ngôn ngữ:** chữ Hán  **\* Đề tài:** vọng nguyệt, đối nguyệt, khán minh nguyệt- đây là thi đề phổ biến.  **\* Bố cục: có thể chia bố cục bài thơ theo hai cách:**  **- Bố cục thông thường:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bố cục | Chức năng | Với bài thơ *Ngắm trăng* | | Dòng 1: Khai | Khai mở ý của bài thơ | Trong tù, không có rượu cũng không có hoa | | Dòng 2: Thừa | Thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần *Khai* | Cảnh đêm trăng đẹp biết làm thế nào bây giờ? | | Dòng 3: Chuyển | Chuyển ý | Người tù hướng ra ngoài song sắt, ngắm vầng trăng sáng | | Dòng 4: Hợp | Kết ý | Trăng chiếu xuống xuyên qua khe cửa để ngắm nhà thơ |   **- Bố cục**: Có thể chia bài thơ thành 2 phần:  + Phần 1 (hai câu đầu): Hoàn cảnh ngắm trăng và tâm trạng của người tù  + Phần 2 (hai câu cuối): Mối giao hòa giữa con người và trăng  - Chủ thể trữ tình: chính là tác giả - người tù |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**  **Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ *“Ngắm trăng”*của Hồ Chí Minh** | |
| *1. Xác định đặc điểm thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ* | ...............................................................  ................................................................ |
| *2. So sánh bản dịch thơ và phiên âm*  *a. Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng có trong phần phiên âm (ngục, trung, vô, tửu, hoa, nhân, hướng, song, tiền, khán, minh, nguyệt, thi, gia),*  *b. Từ đó đối chiếu với phần Dịch nghĩa và Dịch thơ để nhận xét về bản dịch thơ.* | a. Nghĩa của các yếu tố Hán Việt:  ............................................................... |
| b. Nhận xét về bản dịch thơ:  ............................................................  ............................................................ |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02: Tìm hiểu hai câu thơ đầu**  ***Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,***  ***Đối thử lương tiêu nài nhược hà?*** | |
| *Bài thơ cho thấy Bác ngắm trăng trong bối cảnh như thế nào? Vì sao Bác lại nói đến cảnh “Trong tù không rượu cũng không hoa”?* | .....................  .................... |
| *Hai câu thơ gợi lên tâm trạng như thế nào của người tù?* *Tâm trạng ấy cho thấy tác giả là người như thế nào? (Chú ý phần Dịch nghĩa của hai dòng thơ đầu; giọng điệu ở dòng thơ thứ hai: Đối thử ương tiêu nại nhược hà? của phần Phiên âm)* | .......................  .......................  .......................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Tìm hiểu hai câu cuối**  ***Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,***  ***Nguyệt tòng song kích khán thi gia.*** | |
| *Chi ra cấu trúc đăng đối ở hai câu thơ cuối (sự sắp xếp vị trí các từ nhân (và thi gia), song, nguyệt (và minh nguyệt)có gì đáng chú ý?)* | .....................  .................... |
| *Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép đối ở hai câu thơ cuối* | .......................  ....................... |
| *Qua đó em hiểu thêm được điều gì về con người tác giả?* | ........................  ........................ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04**  **Tìm hiểu nét đặc sắc trong phong cách trữ tình của thơ Hồ Chí Minh**  **trong bài *Ngắm trăng***  *1. Nêu cảm nhận của em về tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ Chí Minh qua bài thơ.*  *........................................................................................................................................*  *2. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, thơ Hồ Chí Minh thường kết hợp tính cổ điểm và tính hiện đại. Bài thơ Ngắm trăng có thể hiện sự kết hợp cảu hai tính chất đó không? Vì sao?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương diện thể hiện | Tính cổ điển | Tính hiện đại | | Thể loại | .................................. | ........................... | | Nội dung | ................................. | .......................... | | Nghệ thuật | ................................. | ............................ | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 3: Đọc- hiểu văn bản**  **\* Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm hình thức của bài thơ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi**:**  **- GV:**  **CH:** GV chiếu **phiếu học tập số 01**  - HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Đọc- hiểu văn bản**  **3.1. Đặc điểm hình thức của bài thơ**  ***“Ngắm trăng”* (*Vọng nguyệt*)**  - Đặc điểm hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ   |  |  | | --- | --- | | Phương diện | Thể hiện trong bài thơ *Ngắm trăng* | | Luật bằng trắc | Bài thơ luật bằng. (Do chữ thứ 2 của câu thứ nhất “*trung*” thanh bằng)   |  |  | | --- | --- | | Dòng | Luật bằng, trắc | | 1 | T **B** B T T B B | | 2 | T T B B T T B | | 3 | B T B B T B T | | 4 | T **B** B T T B B | | | Niêm | Chữ thứ 2 câu 2 và 3 *(thử- hướng*); 1 và 4 (*trung- tòng*) cùng thanh. | | Vần | Các tiếng cuối dòng thơ 1,2,4 hiệp vần “*hoa”, hà, gia”* | | Nhịp | Chủ yếu nhịp 4/3 |   **- Bản dịch thơ của Nam Trân:**  + Giải nghĩa chữ Hán: *ngụ*c (tù, ngục); *trung* (trong); *tửu* (rượu); *hoa* (bông hoa); *nhân* (người); *hướng* (hướng tới); *song* (cửa sổ); *tiền* (phía trước); *khán* (xem, nhìn); *minh* (sáng); *thi* (thơ); *gia* (nhà)  + Nhận xét về bản dịch thơ của Nam Trân: Nhìn chung phần dịch thơ đã sát với phần nguyên tác (phiên âm).  Tuy nhiên, bản dịch còn một số điểm đáng lưu ý:  + + Câu thơ thứ 2 của nguyên tác có nghĩa là “*Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào*?”, bản dịch là “*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*” làm mất đi cái xốn xang, bối rối thể hiện ở lời tự hỏi “*nại nhược hà*?” (biết làm thế nào?), trước vẻ đẹp thiên nhiên của Bác Hồ. Dịch “*quá hững hờ*” cho thấy nhân vật trữ tình quá bình thản, có phần hờ hững... chứ không rung động mạnh mẽ như trong câu thơ chữ Hán.  - Hai câu sau, trong phần chữ Hán có sự đăng đối ở từng câu từng chữ. Phần dịch thơ làm mất đi cấu trúc đăng đối. Câu thơ thứ 4 có hai từ gần nghĩa (*nhòm, ngắm*) chưa cô đúc, chữ “*nhòm*” chưa được nhã (nhất là lại *nhòm khe cửa*) |
| **\* Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảm xúc trữ tình của bài thơ *Ngắm trăng***  **Tìm hiểu về hai câu đầu:**  **HÌNH THỨC NHÓM BÀN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động nhóm.  **- GV: chiếu Phiếu học tập số 02.** Tìm hiểu hai câu thơ đầu  - HS thảo luận nhóm, thời gian 4 phút  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  GV có thể bổ sung thêm thông tin về hiện thực cuộc sống mà người bị đọa đầy đau khổ suốt mười bốn tháng trong tù. Đó là cuộc sống khác xa loài người “*Phi nhân loại địch sinh hoạt*”, làm sao phù hợp với việc thưởng nguyệt! Làm sao có thể có rượu và hoa để ngắm trăng? | **3.2. Cảm xúc trữ tình của bài thơ *Ngắm trăng***  **a.  Hai câu đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng và tâm trạng của người tù**  *Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,*  *Đối thử lương tiêu nài nhược hà?*  **- Bối cảnh ngắm trăng:**  + Trong thơ ca xưa nay, thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp, thường đem rượu ra uống trước hoa để thưởng trăng. Có rượu và hoa thì sự thưởng trăng mới thật mĩ mãn, trọn vẹn. Nói chung, người ta chỉ ngắm trăng khi thảnh thơi tâm hồn.  + Bác ngắm trăng trong tù ngục, bản thân đang là một tù nhân bị đày đoạ vô cùng cực khổ. Điều kiện sinh hoạt của nhà tù tàn bạo, dã man, phải sống một cuộc sống khác loài người.  -> Nhắc đến “rượu và hoa” chỉ có thể hiểu rằng trăng đêm nay đẹp quá, Hồ Chí Minh khao khát được thưởng trăng một cách trọn vẹn và lấy làm tiếc vì không có rượu hoa. Việc nhớ đến rượu và hoa trong tù ngục khắc nghiệt ấy đã cho thấy người tù **không bị ràng buộc bởi những cái vướng bận về vật chất**, **tâm hồn vẫn tự do vẫn ung dung tự tại** để hưởng cảnh đẹp đêm trăng.  **- Tâm trạng của người tù:**  + Câu thơ thứ hai của nguyên tác có nghĩa là “*Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào*?”,  + Trước vẻ đẹp thiên nhiên, tâm trạng của tác giả xốn xang, bối rối, băn khoăn, phân vân, khó xử. Cảnh trăng rất đẹp nhưng chưa biết làm thế nào.  -> Câu thơ cho thấy rõ tâm hồn nghệ sĩ, thi nhân ở Người.  -> Người chiến sĩ cách mạng vĩ đại lão luyện ấy vẫn là một con người yêu thiên nhiên một cách say mê, tâm hồn, sự hồn nhiên đã rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp cảnh trăng đẹp dù đang là tù nhân. |
| **Tìm hiểu về hai câu cuối**  **\* Tìm hiểu hai câu cuối**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HOẠT ĐỘNG NHÓM—KĨ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: thực hiện **phiếu HT số 03**  (GV chiếu phiếu lên, yêu cầu HS đọc để xác định yêu cầu)  - Thời gian: 5 phút.    **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ**  - Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa  - Tập trung vào câu hỏi (trong phiếu HT)  - Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về câu hỏi trong phiếu) Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút  - Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời  - Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu thành viên từng nhóm cùng chia sẻ kết quả thảo luận của mình với nhóm. Sau đó, đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  GV chốt lại kiến thức: *Vậy hai câu thơ cuối cho em hiểu gì về Chủ tịch Hồ Chí Minh.*  **GV mở rộng:**  Hai câu thơ cuối thể hiện sức tinh thần kì diệu của người chiến sĩ cộng sản. Phía này là nhà tù đen tối là hiện thực, tàn bạo, còn ngoài kia là bầu trời, là vầng trăng thơ mộng, thế giới của cái đẹp, của tự do, lãng mạn. Ở giữa hai thế giới đối cực ấy, đó là cửa sắt của nhà tù. Nhưng một cuộc ngắm trăng này, song sắt nhà tù đã trở nên bất lực, vô nghĩa trước tâm hồn tri âm tri kỷ tìm đến nhau.  Qua bài thơ người đọc cảm thấy người tù cách mạng dường như không có chút bận tâm về cùm xích, đói rét, muỗi, rệp, ghẻ lở, ... của chế độ nhà tù khủng khiếp, cũng bất chấp song sắt thô bạo của nhà tù để tâm hồn bay bổng tìm đến đối diện đàm tâm với vầng trăng tri âm | **b. Hai câu thơ cuối: Mối giao hòa giữa con người và trăng**  ***Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,***  ***Nguyệt tòng song kích khán thi gia.***  **- Cấu trúc đăng đối giữa hai câu thơ:** *Nhân- nguyệt; hướng- tòng; minh nguyệt- thi gia*;  **Hiệu quả nghệ thuật:**  + Làm cho nhịp thơ hài hòa, nhịp nhàng, cân xứng.  + Diễn tả tình cảm song phương, mãnh liệt giữa con người và trăng.  + + Nhân vật trữ tình: Hồ Chí Minh đã thả hồn vượt ra ngoài cửa sắt nhà tù để tìm đến ngắm trăng sáng “*khán minh nguyệt*” tức là để giao hòa với vầng trăng đang tỏa mộng giữa trời. Đây là một cuộc vượt ngục về tinh thần của người tù cách mạng.  + + Trăng: nhà thơ nhân hóa trăng “*tòng song khích khán thi gia”* trăng đã vượt qua song sắt nhà tù để tìm đến ngắm nhà thơ “*khán thi gia*” trong tù. Với Bác, trăng hết sức gắn bó, thân thiết trở thành tri âm, tri kỉ từ lâu.  -> **Vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh**:  + Tình yêu thiên nhiên say đắm, tâm hồn lãng mạn, chất nghệ sĩ ở Hồ Chí Minh.  + Vẻ đẹp của tinh thần thép của người chiến sĩ cách mạng. Biểu hiện của tinh thần ấy là sức mạnh nội tại, phong thái ung dung, vượt lên hẳn sự nặng nền, tàn bạo của ngục tù. |
| **\* Hướng dẫn HS tìm hiểu về phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh trong bài *Ngắm trăng***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: (kĩ thuật hỏi chuyên gia) thực hiện **phiếu HT số 04**  (GV chiếu phiếu lên, yêu cầu HS đọc để xác định yêu cầu)  - Thời gian: 5 phút.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu thành viên từng nhóm cùng chia sẻ kết quả thảo luận của mình với nhóm. Sau đó, đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Các nhóm đặt câu hỏi phụ cho nhóm chuyên gia  - Nhóm chuyên gia công bố kết quả, giải đáp thắc mắc cần làm rõ của các bạn.  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm. | **3. 3. Phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh trong bài *Ngắm trăng***  **- Tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ CHí Minh qua bài thơ *Ngắm trăng*:**  + Phản ánh tâm hồn nhạy cảm với cái đẹp, tinh tế, lãng mạn, tình yêu thiên nhiên tha thiết.  + Thể hiện một ý chí kiên cường và một nhân cách cao đẹp của một bậc “đại nhân, đại trí, đại dũng” trong hoàn cảnh cực khổ của chốn lao tù.  **- *Ngắm trăng* có sự kết hợp tính chất cổ điển và hiện đại:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương diện thể hiện | Tính cổ điển | Tính hiện đại | | Thể loại | Thể hiện qua thể thơ thất ngôn tứ tuyệt; sáng tác thơ chữ Hán tạo sắc thái trang nhã, hoài cổ | Tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo | | Nội dung | Vẻ đẹp tâm hồn một nhân cách lớn nghệ sĩ | Vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng | | Nghệ thuật | - Đề tài vọng nguyệt và những thi liệu cổ như *rượu, hoa, trăng.*  - Cấu trúc đăng đối ở hai câu thơ sau  - Hình ảnh chủ thể trữ tình ung dung giao cảm đặc biệt với thiên nhiên | Hình ảnh chủ thể trữ tình vừa mang tính thời đại, một tâm hồn lạc quan luôn hướng về phía ánh sáng, toát lên tinh thần thép và giản dị. | |

**2.3. Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *- Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **4. Tổng kết**  **4.1. Nghệ thuật**  - Bài thơ viết bằng chữ Hán, theo thể thơ tứ tuyệt Đường luật: câu chữ cô đọng hàm súc, rất gần gũi với những bài thơ thời Đường, thời Tống nhưng cũng rất hiện đại với tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo  - Hình ảnh đặc sắc, sử dụng các phép đối, nhân hóa gợi hình gợi cảm.  **4.2. Nội dung**  Bài thơ *Ngắm trăng* cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ, vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại. Đó là tình yêu thiên nhiên đến mê say và phong thái ung dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ: Chia sẻ**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Qua bài thơ *Ngắm trăng*, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện lên như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi 1 số HS phát biểu theo kĩ thuật trình bày một phút.
* HS phát biểu xong sẽ mời HS ngẫu nhiên tiếp theo trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý cách trả lời**

- Bài thơ *Ngắm trăng* cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại.

- Bài thơ cũng cho thấy nét đặc sắc trong phong cách trữ tình của thơ Hồ Chí Minh: vừa có màu sắc cổ điển (đề tài: vọng nguyệt, và ở những thi điệu cổ: *rượu, hoa, trăng,* ở cấu trúc đăng đối trong hai câu thơ sau và nhất là ở hình ảnh của chủ thể chữ tình ung dung giao cảm đặc biệt với thiên nhiên) vừa mang tính tinh thần thời đại (một tâm hồn thơ lạc quan luôn hướng về phía ánh sáng, toát lên tinh thần thép) vừa giản dị hồn nhiên vừa hàm súc, dư ba,...

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Làm việc cá nhân

**Yêu cầu:** Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét “*Thơ bác đầy trăng*”. Hãy tìm những bài thơ khác của Bác viết về trăng và cho biết cuộc “ngắm trăng” trong bài “*Vọng nguyệt*” và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ khác của Bác có gì đáng chú ý?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

Gợi ý:

- HS trình bày cách hiểu theo nhiều cách, đảm bảo đủ các ý sau:

- Nhận định của Hoài Thanh: Nhận xét của Hoài Thanh “Thơ bác đầy trăng” có thể hiểu là trong thơ bác có nhiều bài viết vẽ trăng và những cảnh trăng trong thơ của Người được miêu tả rất đẹp và đầy ấn tượng.

Các bài thơ tiêu biểu của Người viết về đề tài trăng như: *Ngắm trăng (Vọng nguyệt), Trung thu, Đêm thu, Tin thắng trận, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng...*

- So với các sáng tác trên, cuộc ngắm trăng trong *Vọng nguyệt* diễn ra trong khung cảnh tù đày giống như một cuộc ngắm trăng ở trong các bài thơ trong *Nhật kí trong tù*. Và có thể nói hình ảnh trăng ở mỗi bài thơ của bác mỗi khác. Trong *Rằm tháng giêng* là vầng trăng tràn tràn đầy, ánh trăng lồng lộng tràn ngập cả bầu trời đầy ắp sắc xuân. Trong *Cảnh khuya* là trăng đẹp tươi kì ảo giống như một bức tranh sơn mài lộng lẫy. Tất cả là do Hồ Chí Minh của một tâm hồn nghệ sĩ luôn rộng mở, giao hòa với trăng – một biểu tượng cho cái đẹp tuyệt vời, vĩnh cửu của vũ trụ.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm tác phẩm thơ trữ tình của Hồ Chí Minh

- Chuẩn bị: Bài đọc 2: *Lai tân* (Hồ Chí Minh)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết ……….. Đọc hiểu văn bản:**

**VĂN BẢN:**

**LAI TÂN  
 - HỒ CHÍ MINH –**

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Năng lực**

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.

- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ châm biếm hài hước viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).

- Phân tích được một số nét đặc sắc của các bài thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí

Minh.

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

**2*.* Phẩm chất**

HS có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Trò chơi “Nhìn tranh đoán sự kiện”**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu lần lượt các hình ảnh. HS cho biết: *Mỗi hình ảnh gợi nhắc em đến sự kiện nào trong hành trình giải phóng dân tộc của Bác Hồ?*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Hình 1** | **Hình 2** |
|  |  |
| **Hình 3** | **Hình 4** |
| **Hình 5** | |

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi.

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** .

**=> Dự kiến sản phẩm:**

**Hình 1:** Bác lên đường ra đi tìm đường cứu nước năm 1911 trên con tàu Đô đốc Latútsơ Tơrêvin)

# Hình 2: Bác tham gia Đại hội Tours năm 1920, bỏ phiếu tán thành việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

**Hình 3:** Bác Hồ ở hang Pác Pó (Cao Bằng). **S**au 30 năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân, năm 1941, Bác đã trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**Hình 4**: Bác Hồ bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam tại nhà ngục Quảng Tây (Trung Quốc),1942-1943.

**Hình 5:** Bác Hồ đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tại Quảng trường Ba Đinh ngày 2/9/1945.

# => GV dẫn vào bài mới: Giờ học trước, các em đã được tìm hiểu bài thơ Ngắm trăng, đã cảm nhận được vẻ đẹp phong cách thơ trữ tình của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bên cạnh thơ trữ tình, Hồ Chí Minh còn có nhiều bài thơ được viết theo phong cách trào phúng. Một trong những bài thó tiêu biểu cho phong cách thơ đó là bài thơ “Lai tân”. Tiết học hôm nay cô và các em cùng tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của thơ Hồ Chí Minh với phong cách thơ rất độc đáo

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Hoạt động 2.1. Đọc – khám phá chung**

**a. Mục tiêu :** Giúp HS khám phá chung về bài thơ *Lai Tân*.

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1. Đọc, tìm hiểu từ khó.**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản: Đây là một bài thơ chữ Hán. Do đó, GV phải giúp HS phân biệt bản phiên âm, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ.  - GV có thể dành 5-7 phút cho HS đọc diễn cảm và hỏi các từ ngữ khó (theo cặp).  - GV có thể hướng dẫn HS đối chiếu bản dịch thơ với bản dịch nghĩa để chỉ ra một vài điểm khác biệt giữa hai bản dịch (nếu có).  - GV hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược đọc thể hiện ở từng thẻ chỉ dẫn đặt bên phải VB. HS sử dụng chiến lược *theo dõi* để nhận biết vị trí xã hội và hành động của các nhân vật xuất hiện trong bài thơ.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh đọc VB.  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * - GV gọi một số HS đọc * - Các HS khác lắng nghe, bổ sung.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả đọc của HS. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc, tìm hiểu từ khó**  **Một số yếu tố Hán Việt thông dụng trong bài thơ:**  **+ *giam phòng* (phòng giam), *ban trưởng* (trưởng ban), *cảnh trưởng* (cảnh sát trưởng), *tham* (tham lam), *giải* (áp giải), *phạm* (người tù), *tiền* (tiền bạc), *huyện trưởng* (trưởng huyện), *đăng* (đèn), *công sự* (việc công), *y cựu* (vẫn như cũ), *thái bình* (thái bình), *thiên* (trời)** |
| **NV 2: Tìm hiểu về bài thơ *Lai Tân*** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV có thể hướng dẫn HS đối chiếu bản dịch thơ với bản dịch nghĩa để chỉ ra một vài điểm khác biệt giữa hai bản dịch (nếu có).  - **HS suy nghĩ, thảo luận nhóm đôi** để hoàn thành **PHT số 01** và Sơ đồ đặc điểm thi luật của bài thơ *Lai Tân.*   |  |  | | --- | --- | | **PHT số 01**:  **Tìm hiểu về bài thơ *Lai Tân*** | | | 1. Xuất xứ | *...* | | 2. Thể thơ | *...* | | 3. Ngôn ngữ |  | | 4. Bố cục | *..* | | 5. Nhân vật trữ tình |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm. | **2. Tìm hiểu chung về bài thơ *Lai Tân***  **a. Tác giả: Hồ Chí Minh**  **b. Bài thơ *Lai tân***  **- Xuất xứ: “***Lai Tân*” là bài thứ 96 của tập thơ *Nhật kí trong tù.*  Địa danh Lai Tân là nơi mà Bác đã trải qua trên con đường đi từ Thiên Giang đến Liễu Châu thuộc tỉnh Quảng Tây.  **- Thể thơ:** thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  Đặc điểm thi luật của bài thơ  - **Ngôn ngữ:** chữ Hán  **- Bố cục: 02 phần**  + Ba câu đầu: Bộ máy quan lại ở Lai Tân.  + Câu thơ cuối: Bình luận của tác giả.   * **Nhân vật trữ tình:** tác giả. |

**2.2. Hoạt động 2.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu :**

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của bài thơ.

- Nhận xét được bức tranh hiện thực tại nhà giam *Lai Tân*.

- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa của giọng điệu trào phúng trong bài thơ.

- HS có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực trong cuộc sống.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**  **Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ *Lai Tân***  Nhận biết và nêu lên một số đặc điểm hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ của bài thơ *Lai Tân.*   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Thể hiện trong bài thơ *Lai Tân*** | | Luật bằng trắc | .......................... | | Niêm | .......................... | | Vần | .......................... | | Nhịp | .......................... | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Tìm hiểu về bộ máy quan lại ở Lai Tân**  **Yêu cầu***: Bài thơ viết về sự việc gì? Bộ máy chính quyền của vùng đất Lai Tân (Trung Quốc) hiện lên như thế nào?*  **Trả lời:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nhân vật | Vị trí xã hội -Chức trách | Công việc thường làm | Mục đích của công việc | | ............ | ............. | ............ | ............ | | ............ | ............. | ................ | ............. | | .......... | .............. | ................. | .............. | | Nhận xét chung | ......................................................................................... | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn tìm hiểu về đặc điểm hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật trong VB *Lai Tân***  ***Hoạt động cặp đôi:***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi**:**  **- GV:**  **CH:** GV chiếu **phiếu học tập số 02**  - HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 3 phút  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Đặc điểm hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật trong VB *Lai Tân***  - Đặc điểm hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ   |  |  | | --- | --- | | Phương diện | Thể hiện trong bài thơ *Lai Tân* | | Luật bằng trắc | Bài thơ luật bằng. (Do chữ thứ 2 của câu thứ nhất “*phòng*” thanh bằng)   |  |  | | --- | --- | | Dòng | Luật bằng, trắc | | 1 | T **B** B T T B B | | 2 | T T B B T T B | | 3 | B T B B T B T | | 4 | T **B** B T T B B | | | Niêm | Chữ thứ 2 câu 2 và 3 *(trưởng- trưởng*); 1 và 4 (*phòng- Tân*) cùng thanh. | | Vần | Các tiếng cuối dòng thơ 2,4 hiệp vần *iên* ở chữ *tiền* và *thiên* | | Nhịp | Chủ yếu nhịp 4/3, 2/2/3 | |
| **Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về bức tranh hiện thực và thái độ của tác giả**  **Thao tác 1: Tìm hiểu bộ máy quan lại ở Lai Tân trong 3 câu thơ đầu**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 04 nhóm.  - Các nhóm thảo luận để hoàn thành **PHT số 03** trong thời gian 05 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm phân công nhóm trưởng, thư kí.  - HS thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.  - GV khích lệ, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm phát biểu.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GVđánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm.  GV chuẩn hóa kiến thức. | **2. Bức tranh hiện thực và thái độ của tác giả**  **a. Ba câu đầu: Bức tranh hiện thực**  - Bài thơ viết về sự việc và con người ở Lai Tân – một địa danh thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, nơi có nhà tù Quốc dân đảng giam giữ Hồ Chí Minh khi ấy.  - Người viết điểm qua công việc của các quan chức huyện Lai Tân gồm: trưởng ban nhà lao, cảnh sát trưởng và huyện trưởng. qua công việc của ba đối tượng ấy có thể thấy bộ máy cai trị của chính quyền thực dân ở vùng đất Lai Tân chân thực, sống động:  (GV trình chiếu sản phẩm PHT số 03 (bên dưới) |
| **PHT số 03: Bức tranh hiện thực về bộ máy quan lại ở Lai Tân**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Vị trí xã hội -Chức trách** | **Công việc thường làm** | **Mục đích của công việc** | | **Ban trưởng** | - Đứng đầu bộ máy cai trị chính quyền ở Lai Tân.  - Đại diện và thực thi công lí, pháp luật của nhà nước.  - Giữ trật tự, an ninh cho xã hội | *chuyên đánh bạc* 🡪 ngang nhiên phạm pháp | Trục lợi cá nhân  🡪 Những việc làm lố bịch, làm lộ rõ bản chất xấu xa của ban trưởng, cảnh trưởng | | **Cảnh trưởng** | Ăn tiền của phạm nhân bị giải 🡪tìm mọi cách moi tiền của phạm nhân | | **Huyện trưởng** | *chong đèn* để hút thuốc phiện | Sống sa đọa, hưởng thụ, vi phạm pháp luật | | **Nhận xét chung** | **- Sự thực của bộ máy chính quyền Lai Tân:** khắc họa bức tranh hiện thực của bộ máy chính quyền ở Lai Tân thối nát, vô trách nhiệm. Ở đó, những kẻ đứng đầu tuy đại diện và thực thi công lí, pháp luật nhưng hành vi lại phi pháp, không đúng với bổn phận, trái với pháp luật, đều hoàn toàn vô trách nhiệm.  - Tác giả vạch trần bộ mặt xã hội tầng lớp thống trị: vô trách nhiệm, bê tha, thối nát, bất công. | | | | |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu lời bình luận của tác giả ở câu thơ cuối**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  **Kĩ thuật Think – pair – share:**  **Nhiệm vụ:**  *- Câu thơ cuối đã đánh giá lại sự việc được kể như thế nào?*  *- Theo em, nội dung của câu thơ cuối có mâu thuẫn với nội dung của các câu thơ trước không? Vì sao?*  *- Phân tích cảm xúc và thái độ của nhân vật trữ tình ở câu thơ cuối?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi, sau đó chia sẻ với cả lớp.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **b. Câu thơ cuối: Bình luận của tác giả**  **-** “*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”:*  Là lời đánh giá, bình luận về mảnh đất Lai Tân bằng giọng điệu lạnh lùng “*thái bình*” khi mà ban trưởng vi phạm pháp luật (đánh bạc), cảnh trưởng chỉ tìm cách tư lợi (kiếm ăn quanh) thì chỉ có thể là thái bình giả tạo.  => Mâu thuẫn giữa vẻ bề ngoài (*thái bình*) với thực chất bên trong (mục ruỗng, thối nát) của xã hội  🡪Hai chữ “*thái bình*” cuối VB vừa miêu tả được vẻ bề ngoài yên bình, tốt đẹp giả tạo, vừa là cách nói ngược.  - Nhân vật trữ tình (tác giả) với giọng điệu có vẻ dửng dưng, nhưng thực chất như một quan toàn, nêu và kết tội bọn quan lại và chế độ xã hội Tưởng Giới Thạch thời bấy giờ một cách đnah thép. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về kết cấu, tứ thơ và màu sắc châm biếm của bài thơ *Lai Tân*** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** ***GV mời nhóm được giao nhiệm vụ chuẩn bị về câu hỏi số 3, 4–SKG trang 19*** **(1) Trò chơi: “Hỏi xoáy đáp xoay”**  HS đại diện nhóm sẽ làm MC yêu cầu HS dưới lớp lần lượt trả lời các câu hỏi ngắn:  ***1.****Chỉ ra vai trò của ba dòng thơ đầu và dòng thơ cuối*  *2. Nêu rõ mối quan hệ giữa ba câu thơ đầu và câu thơ cuối để xác đinhn kết cấu bài thơ.*  *3. Nhận xét về tứ thơ của bài thơ Lai Tân.*  *4. Màu sắc châm biếm, mỉa mai hóm hỉnh của tác giả được thể hiện như thế nào trong bài thơ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét phần chuẩn bị sản phẩm học tập, phần dẫn dắt của MC.  - GV chuẩn hoá kiến thức về văn bản.  **GV mở rộng:** Ba câu đầu kể về những việc bất bình thường của bộ máy cai trị ở Lai Tân. Lẽ ra với những gì trình bày trong ba câu trên, tác giả phải kết luận bằng một câu phơi bày thực trạng xã hội, nhưng ngược lại, tác giả lại kết luận “*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình*”, cái bất thường bỗng chốc trở thành cái bình thường. Đó là thái bình của tham nhũng, sa đọa với bộ máy công quyền của những con mọt dân tham lam. Thái bình như thế thì dân bị oan khổ biết bao nhiêu! Sự thối nát, mục ruỗng đã thành bản chất, quy luật bao năm nay. | **3. Kết cấu và tứ thơ của bài thơ *Lai Tân***  **- Kết cấu:**  + Ba dòng thơ đầu viết theo lối liệt kê công việc của các chức sắc Lai Tân với một giọng điệu lạnh lùng, khách quan.  + Dòng thư cuối là lời bình luận thể hiện thái độ của người viết.  -> mối quan hệ của chúng: ba dòng đầu là hiện thực dòng cuối là kết luận đánh giá thể hiện thực ấy.  **- Tứ thơ:** cuộc sống ở Lai Tân đầy chuyện bất công nhưng chính quyền dường như chẳng có chuyện gì xảy ra (*Lai Tân vẫn thái bình*)  -> Tứ thơ độc đáo.  **4. Phong cách hài hước châm biếm của thơ Hồ Chí Minh trong bài *Lai Tân***  - Màu sắc chân biếm mai hóm hỉnh của tác giả được thể hiện ở chính cách cấu trúc nội dung bốn dòng thơ trong bài gồm hai phần.  - Tiếng cười bật ra từ việc tạo ra mâu thuẫn giữa:  + Hiện thực quá bất công thối nát > < quang cảnh hình thức bên ngoài tưởng chừng như không có gì xảy ra *Trời đất Lai Tân vẫn thái bình*  => Mâu thuẫn giữa vẻ bề ngoài (thái bình) với thực chất bên trong (mục ruỗng, thối nát) của xã hội cũng là lúc tiếng cười trào phúng được thể hiện.  🡪Hai chữ “thái bình” cuối VB vừa miêu tả được vẻ bề ngoài yên bình, tốt đẹp giả tạo, vừa là cách nói ngược để tạo tiếng cười trào phúng, châm biếm nhẹ nhàng mà sâu cay.  **-** Giọng điệu có vẻ dửng dưng, nhưng hiệu quả châm biếm thật thâm thuý sâu sắc. Tác giả nở nụ cười hóm hỉnh: quan chức thối nát như thế mà Lai Tân vẫn được coi là chốn bình yên, hạnh phúc thì thật là mỉa mai.  - **Dụng ý châm biếm của tác giả:** Tác giả hướng tiếng cười vào giai tầng thống trị trong xã hội để châm biếm, đả kích, tố cáo tình trạng mục nát, “nhà dột từ nóc” mà tác giả chứng kiến ở Lai Tân thời bấy giờ. |

**2.3. Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *? Rút ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hoạt động thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung**  - Bài thơ miêu tả, phơi bày thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch.  - Thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay của Hồ Chí Minh đối với giai tầng thống trị trong xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ.  **2. Nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cô đọng hàm súc.  - Hình ảnh chân thực, chọn lọc  - Ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực  - Lối viết mỉa mai sâu cay  - Bút pháp trào phúng đặc sắc |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Nhiệm vụ 1: HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm nhanh**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Hệ thống câu hỏi như sau:**

**Câu 1.** Bài thơ ***Lai Tân*** thuộc thể thơ nào?

1. Thất ngôn tứ tuyệt
2. **Thất ngôn bát cú**
3. Ngũ ngôn tứ tuyệt
4. Tự do

**Câu 2**. Bài thơ ***Lai Tân*** được viết bằng văn tự gì?

1. Chữ Quốc ngữ
2. Chữ Trung Quốc
3. Chữ Nôm
4. **Chữ Hán**

**Câu 3.** Từ “thiên thiên” ở câu thơ thứ nhất bản phiên âm được dịch là gì?

1. **Ngày ngày**
2. Ngày nay
3. Hôm nay
4. Ngày mai

**Câu 4.** Huyện trưởng là người như thế nào?

1. **Kẻ nghiện ngập**
2. Lấy công việc làm đầu
3. Là người ngay thẳng
4. Là vị quan tốt

**Câu 5.** Ban trưởng, Cảnh trưởng, Huyện trưởng trong bài thơ đại diện cho ai?

1. Những người dân thấp cổ bé họng
2. Những vị quan liêm khiết, thương dân
3. **Bọn quan lại và chế độ xã hội Tưởng Giới Thạch thời bấy giờ, những kẻ bảo vệ nhân dân**
4. Đất nước Trung Quốc bấy giờ nói chung

**Câu 6.** [Ý nghĩa của câu thơ "*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình"* là gì?](https://cunghocvui.com/de-thi-kiem-tra/cau-hoi/024ekej9-y-nghia-cua-cau-tho-troi-dat-lai-tan-van-thai-binh-la-gi.html)

A. Khen ngợi những việc làm của quan lại Lai Tân

B. Ca ngợi sự cần mẫn "làm công việc" của huyện trưởng

**C. Thể hiện sự phê phán, mỉa mai của tác giả**

D. Phản ánh hiện thực xã hội Lai Tân thái bình

**Câu 7**. Ý nào không đúng khi nói về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Lai Tân*?

**A. Hình ảnh ước lệ, giàu tính biểu tượng**

B. Giọng điệu trào phúng đặc sắc

C. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cô đọng hàm súc

D. Ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời
* GV quan sát, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**1.** Bài thơ *Lai Tân* và bài thơ *Ngắm trăng* có những điểm giống và khác nhau như thế nào (so sánh về hình thức và nội dung hai bài thơ)?

**2**. Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ *Lai Tân* qua lời nhận xét “*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình*”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

- HS dựa vào hướng dẫn của GV để thực hành viết kết nối.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá đoạn văn.

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

Câu 1:

- Điểm giống: Về hình thức hai bài thơ đều viết bằng chữ Hán theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

* Điểm khác: Về nội dung tư tưởng:

+ Bài thơ *Ngắm trăng* phản ánh tâm hồn nhạy cảm với cái đẹp, tinh tế, lãng mạn của một thi nhân.

+ Ở bài thơ *Lai Tân*, người viết hiện lên như một quan tòa nêu và kết tội bọn quan lại và chế độ xã hội Tưởng Giới Thạch bấy giờ một cách đanh thép với giọng điệu mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng mà hết sức sâu cay.

Câu 2:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu. | |  |  | | **2** | Đoạn văn viết theo một cấu trúc rõ ràng (diễn dịch, quy nạp hoặc phối hợp,...) | |  |  | | **3** | | Đoạn văn đúng chủ đề: làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ *Lai Tân* qua lời nhận xét “Trời đất Lai Tân vẫn Thái Bình”. |  |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. | |  |  | | **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. | |  |  | |

**Gợi ý đoạn văn tham khảo**

Chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ *Lai Tân* thể hiện đặc sắc nhất qua lời nhận xét ở câu thơ cuối: “*Trời đất Lai Tân vẫn thái bình*”. Bản chất bộ máy quan lại chính quyền Lai Tân đã được phơi bày rõ nét ở ba câu thơ đầu. Những kẻ đứng đầu Lai Tân tuy đại diện và thực thi công lí, pháp luật nhưng hành vi lại phi pháp, trái với pháp luật, là những kẻ xấu xa, thối nát. Dưới sự cai trị của chúng, dân chúng sao mà không khổ cực cho được. Vậy mà Lai Tân vẫn thái bình được hay sao? Hóa ra cái “thái bình” ở đây chỉ là cái thái bình giả tạo. Sự mâu thuẫn giữa vẻ bề ngoài (thái bình) với thực chất bên trong (mục ruỗng, thối nát) của xã hội đã tạo nên tiếng cười trào phúng. Tiếng cười mỉa mai chua chát nhẹ nhàng mà sâu cay ấy toát ra từ cách nói ngược và nghệ thuật chơi chữ độc đáo của nhà thơ.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS nêu lên bài học rút ra từ văn bản.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

**1.** Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

**2.** Sưu tầm một bài thơ trào phúng khác của Hồ Chí Minh trong tập “*Nhật kí trong tù”.* Chỉ ra tiếng cười trào phúng trong bài thơ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ cá nhân. (nhiệm vụ 2 HS có thể làm tại nhà)

- GV động viên, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

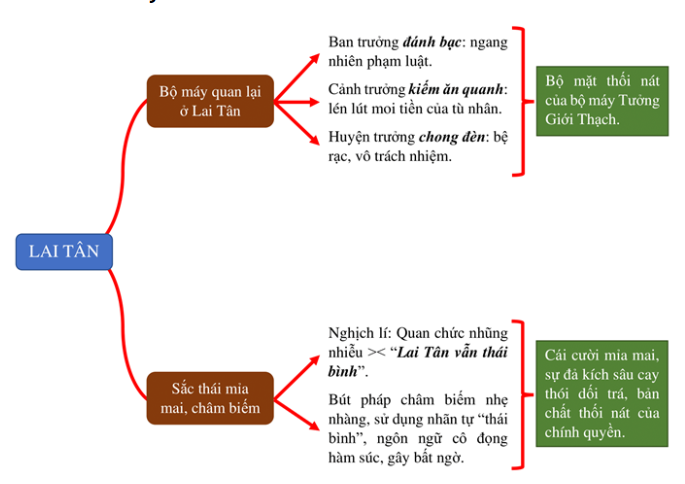
- GV gọi 1-2 HS bày tỏ quan điểm, suy nghĩ.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý trả lời**

**1.** Vẽ sơ đồ tư duy về bài học:



**2.** Sưu tầm một bài thơ trào phúng khác của Hồ Chí Minh trong tập “Nhật kí trong tù”:

Bài thơ: **Đánh bạc (*Đổ)***

**Phiên âm:**

*Dân gian đổ bác bị quan lạp,  
Ngục lý đổ bác khả công khai.  
Bị lạp đổ phạm thường ta hối,  
Hà bất tiên đáo giá lý lai!*

**Dịch nghĩa:**

Ngoài dân đánh bạc thì bị quan bắt,  
Trong tù đánh bạc có thể công khai;  
Con bạc bị tù thường hối tiếc:  
Sao không sớm vào quách chốn này!

**Dịch thơ:**

*Đánh bạc ở ngoài, quan bắt tội,  
Trong tù đánh bạc được công khai;  
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:  
Sao trước không vô quách chốn này!*

(Nam Trân dịch)

=>Tiếng cười trào phúng trong bài thơ: Tác giả khai thác mâu thuẫn trái tự nhiên:

+ Đánh bạc bên ngoài bị quan bắt – nhưng ở chốn ngục tù nơi có các quan cai quản, nơi lẽ ra phạm nhân được quan ngục giáo huấn thì lại có thể công khai đánh bạc mà không có ai bắt bẻ.

+ Câu thơ cuối hạ một cách hài hước, đầy bất ngờ: con bạc hối hận vì không vào chốn ngục tù này sớm hơn (để được đánh bạc công khai mà không phải giấu giếm)

=> Hóa ra nhà tù không phải nơi để giáo dục tội phạm mà là nơi bao che, tiếp tay cho những hành vi phạm pháp, sai trái. Quan lại nhắm mắt làm ngơ hay tiếp tay để trục lợi cá nhân.

Đó là bộ mặt hiện thực của nhà giam Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch mà Hồ Chí Minh đã phản ánh trong nhiều bài thơ khác nữa trong *Nhật kí trong tù.*

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm các bài thơ theo phong cách trào phúng của Hồ Chí Minh

- Chuẩn bị: Thực hành đọc hiểu: Truyện ngắn *Vi hành* (Nguyễn Ái Quốc)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Tiết:...**

**VI HÀNH**

**(Trích *Những bức thư gửi cô em họ* do tác giả tự dịch từ tiếng An Nam)**

**NGUYỄN ÁI QUỐC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật); nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lí nhân sinh) của truyện ngắn hiện đại.

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

**2*.* Phẩm chất**

Biết giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp; tin tưởng vào những điều tốt đẹp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối tri thức cũ. Tạo hứng thú. Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

**b. Nội dung hoạt động: Trò chơi ô chữ**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tổ chức trò chơi ô chữ.  - GV nêu thể lệ trò chơi.  + Có 7 từ khóa liên quan đến bài học  + Các từ chìa khóa có thể nằm ở hàng ngang, hàng dọc, hàng chéo.  + Dựa vào gợi ý, xác định mật mã bị ẩn trong ô chữ.  **Câu 1.** Khi hoạt động cách mạng ở đâu, Bác lấy tên là Nguyễn Ái Quốc ?  Gợi ý: Một từ, 4 chữ cái  Đáp án: Pháp  **Câu 2.** Tên thành phố ở Pháp, nơi Bác gửi bản *Yêu sách của người dân An Nam* và kí tên Nguyễn Ái Quốc tại hội nghị hòa bình?  Gợi ý: Một từ, 6 chữ cái  Đáp án: Véc-xây  **Câu 3.** Khi tiến hành khai thác thuộc địa tại Việt Nam, chính quyền thực dân Pháp đã dùng danh từ nào để gọi nước Việt Nam thời bấy giờ?  Gợi ý: Hai từ, 5 chữ cái  Đáp án: An Nam  **Câu 4.** Nhà cách mạng nào của dân tộc ta bị thực dân Pháp bắt cóc năm 1925 mà dựa vào đó Bác đã viết một truyện ngắn bằng tiếng Pháp?  Gợi ý: Ba từ, 11 chữ cái  Đáp án: Phan Bội Châu  **Câu 5.** Điền từ vào dấu “...” trong câu nói của Bác:“Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là.... trên mặt trận ấy.”  Gợi ý: 2 từ, 6 chữ cái  Đáp án: Chiến sĩ  **Câu 6.** Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại...., Trung Quốc.  Điền từ vào dấu “...”  Gợi ý: Hai từ, 9 chữ cái  Đáp án: Hương Cảng  **Câu 7.** Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* được Nguyễn Ái Quốc viết theo thể loại gì?  Gợi ý: Hai từ, 9 chữ cái  Đáp án: Chính luận  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**  - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **Mật mã ô chữ: "Vi hành”**  GV dẫn vào bài: Mật mã ô chữ là “*Vi hành*”. “*Vi hành*” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Nguyễn Ái Quốc. Và đó cũng chính là truyện ngắn mà cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay! | - Câu trả lời của HS |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những nét chung về tác phẩm *Vi hành.*

**-** Biết đọc hiểu một truyện ngắn qua văn bản *Vi hành..*

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:GV giao nhiệm vụ**  (1) Hướng dẫn HS đọc truyện: Giọng đọc rõ ràng, dứt khoát, đôi chỗ mỉa mai, chế nhạo; chú ý lời đối thoại của các nhân vật, và thái độ của người kể.  - Gv yêu cầu một số HS đọc VB.  (2) Dựa vào sự hiểu biết của bản thân và kết nối các thông tin từ trò chơi ô chữ, các em hãy giới thiệu với bạn bên cạnh em những nét cơ bản nhất về truyện ngắn *Vi hành*   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**  - Giới thiệu các thông tin cơ bản về tác  phẩm *Vi hành* (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, ...)  - Vi hành là gì? Lí giải về nhan đề *Vi hành* mà Nguyễn Ái Quốc đặt tên cho tác phẩm này? | | | Xuất xứ |  | | Hoàn cảnh sáng tác |  | | Thể loại |  | | Ngôi kể/ hình thức |  | | Nhan đề |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB  - HS trao đổi đưa ra câu trả lời  - GV quan sát HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1-2 HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp  - HS khác bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc, tìm hiểu từ khó**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** Nguyễn Ái Quốc, tên gọi của Hồ Chí Minh, lúc Người hoạt động cách mạng tại Pháp.  **b. Truyện ngắn *Vi hành***  **- Xuất xứ***:* In trong tập *Truyện và kí* của Nguyễn Ái Quốc, do Phạm Huy Thông dịch và giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội, 1974.  **- Hoàn cảnh sáng tác:**  + Nhân vật vua Khải Định có chuyển sang pháp dự triển lãm hội chợ thuộc địa ở Mác- xây 1922 Nguyễn Ái Quốc đã viết một loạt các tác phẩm, trong đó có truyện ngắn *Vi hành,* *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* và vở kịch *Con rồng tre.* Truyện ngắn *Vi hành* bằng tiếng Pháp đăng trên báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp số ra ngày 19 tháng 2 năm 1923.  **- Thể loại:** Truyện ngắn  **- Ngôi kể:** ngôi thứ nhất/ hình thức bức thư gửi người em họ  - Nhan đề: *Vi hành*  + “Vi hành”: Từ để chỉ việc vua chúa ngày xưa cải trang vào dân thường đi lẫn vào dân chúng để trực tiếp tìm hiểu xã hội đời sống và dư luận nhân dân hoặc để chơi bời mà không ai biết. + Tên truyện ngắn đặt trong bối cảnh truyện càng thêm hấp dẫn, cuốn hút: Hướng đối tượng độc giả là công chúng Pháp; lấy bối cảnh là chuyến Pháp du của vua Khải Định để qua đó tố cáo sự gian xảo của bộ máy thực dân cai trị đương thời. |

**2. 2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật); nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lí nhân sinh) của truyện ngắn *“Vi hành*”.

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục, cốt truyện và tình huống truyện *Vi hành***  GV giao nhiệm vụ: Em hãy đọc lướt truyện để xác định các nội dung yêu cầu của tác phẩm theo phiếu học tập số 02:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**  1. Nêu nội dung cơ bản của mỗi phần trong văn bản.  2. Truyện viết về những sự việc gì và có những nhân vật nào xuất hiện trực tiếp và nhân vật nào được nói tới trong câu chuyện?  3. Tình huống của truyện *Vi hành* độc đáo như thế nào? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành đọc cá nhân.  - Xác định bố cục và nội dung của mỗi phần, chỉ ra các nhân vật, nhận xét về tình huống truyện theo các cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các cặp nêu lên thứ tự các bố cục, nhân vật, tình huống truyện (GV gọi từ 2-3 HS)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu hình tượng nhân vật vua Khải Định và nội dung ý nghĩa tác phẩm**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giao nhiệm vụ chung cho 3 nhóm.  - Nhóm 1: Tìm hiểu chân dung của Khải Định dưới con mắt của đôi trai gái người Pháp.  - Nhóm 2: Tìm hiểu chân dung của Khải Định trong suy nghĩ của nhân vật "tôi".  - Nhóm 3: Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa tác phẩm.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03**  **Tìm hiểu chân dung của Khải Định dưới con mắt của đôi trai gái người Pháp**  Đọc phần (1) của văn bản và phân tích hình ảnh của “đấng hoàng thượng” trong mắt đôi trai gái người Pháp.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương diện | Thể hiện trong VB | Nhận xét về vị trí, giá trị | | Trang phục |  |  | | Hình dạng |  | | Hành vi, điệu bộ |  | |   **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04**  **Tìm hiểu chân dung của Khải Định trong suy nghĩ của nhân vật "tôi":**  Tác giả đánh giá gì về sự kiện vua Khải Định sang Pháp làm “khách của nước Pháp”?  Qua đó, tác giả bày tỏ thái độ, cảm xúc như thế nào với nhân vật và sự  việc được kể?    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05**  **Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa tác phẩm.**  Nhận xét về nội dung, ý nghĩa của đoạn văn từ: “*Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ*” đến “*sự kiêu hãnh có mặt của một vị hoàng đế*.”  Gơi ý:  1. Vì sao *“Chính phủ bèn đối đãi với tất cả những người A Nam vào hàng vua chúa và phải tùy tùng đi hộ giá tuốt!”?*  2. Qua đoạn văn, tác giả còn gửi gắm ẩn ý gì?  3. Ẩn ý của tác giả được diễn đạt qua từ ngữ nào? Nhận xét về cách nói đó của tác giả.  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ  GV quan sát, khích lệ HS  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Bố cục, cốt truyện và tình huống truyện *Vi hành***  **Bố cục:**   |  |  | | --- | --- | | **Phần** | **Nội dung mạch truyện** | | 1 | Ghi lại cuộc trò chuyện của đôi trai gái người Pháp về “vua” xứ An Nam, như tác giả viết: *“thuật lại y như câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi”* | | 2 | Nêu lên những suy nghĩ của tác giả về sự kiện nhầm lẫn của đôi trai gái Pháp. | | 3 | Kể về cảnh được chính phủ “bảo hộ” săn sóc đón tiếp như thế nào “*với tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp”.* |   **- Cốt truyện:**  **+ Sự việc chính:**  Truyện viết về sự việc có một vị hoàng đế An Nam sang thăm Pháp nhưng khôi hài đến nỗi người Pháp không nhận ra thượng khách của mình mà chỉ thấy ông ta như một thằng hề.  **+ Nhân vật:**  + + Nhân vật xuất hiện trực tiếp là: tác giả (người da vàng)- người bị đôi trai gái người Pháp nhầm với hoàng đế.  + + Nhân vật được nói tới trong câu chuyện: là vị hoàng đế (thực sự thì không có mặt nhưng lại chính là nhân vật được nói tới)  **- Tình huống của chuyện độc đáo ở chỗ**: đôi thanh niên người Pháp nhầm tưởng tác giả chính là vị hoàng đế vi hành, “*ngỡ tôi là một đấng hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau”*. Họ bàn tán về sự khôi hài lố bịch của vị hoàng đế trên một toa xe nên tác giả nghe được và ghi lại.  **2. Hình tượng nhân vật vua Khải Định**  **a. Chân dung của Khải Định dưới con mắt của đôi trai gái người Pháp**  - Chân dung của Khải Định: + Trang phục: đầu thì đội cả "*cái đèn chụp lên cái đầu quấn khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn"*; “*hắn đeo lên người đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm.”* + Hình dạng: "*mũi tẹt", "mắt xếch", "mặt bủng như vỏ chanh*". + Hành vi, điệu bộ: "trong hắn có vẻ *nhút nhát hơn", lúng ta lúng túng hơn"*, khúm núm.  **- Nhận xét:**  + Hình ảnh “đấng hoàng thượng” trong mắt đôi trai gái người Pháp chỉ là một thằng hề lôi thôi, nhếch nhác, ...  + Vị khách An Nam, đã trở thành một thứ gì đó rất kỳ dị, rất buồn cười, thậm chí là rẻ rúng, quê mùa. + Sự xuất hiện của "anh vua" ở nước Pháp trở thành trò vui tiêu khiển của đám nhà báo, trở thành đối tượng được "săn đón" để bôi bác trên giấy.. => Vua Khải Định đã hiện lên với dáng vẻ bù nhìn, kệch cỡm và hài hước, nghệ thuật châm biếm vừa sâu cay vừa khách quan đã đem đến cho độc giả những ấn tượng sâu sắc về Khải Định - một tên hề, một con rối ngơ ngác chịu sự sai khiến của đế quốc, nhục nhã và đê hèn.  b. **Chân dung của Khải Định trong suy nghĩ của nhân vật "tôi":**  - Sự "vi hành" của Khải Định, chính là trò hề cho cả nước Pháp, làm nhục nhã bộ mặt của An Nam, với dáng điệu khúm núm, sợ sệt, lấp liếm như ăn trộm. + Khải Định đến Pháp để xem xem dân Pháp có được "*sung sướng, có được uống nhiều rượu và hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài hay không"*. + Nếm thử cuộc đời của những cậu công tử bé, chỉ biết ăn chơi hưởng lạc và vô tích sự. => Tố cáo, lên án sự bất tài, yếu hèn và nhu nhược của Khải Định trước sự chèn ép, xâm lược của thực dân Pháp với nước ta, thời bấy giờ. - Người Pháp nhìn bất cứ ai người da vàng cũng đều nghĩ đó là "hoàng đế" An Nam. Nhưng Khải Định chẳng hề biết điều đó, sự ngu ngốc và yếu đuối của một vị vua quỳ sụp dưới chân đế quốc để hưởng đặc ân thì vẫn bình thản sống và hưởng thụ. - Khải Định đã ngu ngơ ở "mẫu quốc" tận hưởng sự phục tùng trọn vẹn, nhưng thực tế rằng ông là một kẻ bị cầm tù, bám đuôi, mà vẫn sung sướng, hài lòng tận hưởng.  **3. Nội dung, ý nghĩa của tác phẩm**  Đoạn kết truyện chuyển tải nội dung và ý nghĩa rất phong phú, đa nghĩa  **- Nghĩa thực** (theo logic câu chuyện): tác giả giễu cợt sự nhầm lẫn của Chính phủ “bảo hộ” không phân biệt nổi thượng khách (hoàng đế) với người A Nam bình thường nên đã hành động rất khôi hài “*Chính phủ bèn đối đãi với tất cả những người A Nam vào hàng vua chúa và phải tùy tùng đi hộ giá tuốt*!”  **- Nghĩa hàm ẩn:**  + Tác giả chế giễu theo dõi, kiểm soát nghiêm ngặt của Chính phủ “bảo hộ” đối với những người yêu nước, hoạt động cách mạng, trong đó có nhân vật “tôi”.  + Tác giả bộc lộ tâm trạng đau đớn của người dân mất nước; thái độ thất vọng, hổ thẹn vì phải có một “đấng hoàng thượng” như thế.  + Thông điệp ấy được tác giả diễn đạt theo lối nói ngược “*thật tôi không sao che giấu nổi niềm tự hào được làm người A Nam và sự kiêu hãnh có được một vị hoàng đế*.”. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Vi hành*.**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giao nhiệm vụ:  GV chia lớp làm 3 nhóm.  **-** Nhóm 1: Tìm hiểu về đối tượng, mục đích của truyện ngắn “*Vi hành*”.  - Nhóm 2: Tìm hiểu các yếu tố thể hiện màu sắc đả kích của truyện ngắn “*Vi hành*”.  - Nhóm 3: Tìm hiểu tác dụng của việc lựa chọn hình thức bức thư gửi người em họ để trần thuật truyện của tác giả  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 06**  **Nhóm 1:**  **-** Khi nào người nói (viết) dùng mức độ đả kích, người viết đặt ra muacj đích gì?  - Đối tượng đả kích của truyện *“Vi hành*” mà Nguyễn Ái Quốc hướng tới là ai?  - Nêu rõ tâm trạng, cảm xúc của tác giả và nhận xét về cách diễn đạt thông điệp ấy.  **Nhóm 2:** Màu sắc châm biếm, đả kích chủ yếu được tạo nên bới những yếu tố nào? Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các yếu tố đó.   |  |  | | --- | --- | | Màu sắc đả kích thể hiện qua các yếu tố:. | | | Các yếu tố | Thể hiện trong tác phẩm | |  |  |   **Nhóm 3:** Theo em, việc tác giả lựa chọn hình thức thư cho cô em họ có ý nghĩa gì đối với nghệ thuật trần thuật của truyện.  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.  GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày.  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  Gv: Ví dụ: Trong khi kể chuyện, nhà văn có thể thoải mái liên hệ, tạt ngang, sử dụng hồi ức, chuyển từ chuyện nọ sang chuyện kia một cách khá thoải mái, tự nhiên. Chẳng hạn, đang kể chuyện nhầm lẫn trên chuyến xe điện ngầm ở thủ đô Pa – ri, tác giả liên hệ tới chuyện vi hành của các bậc vua chúa tiến bộ ngày xưa ở bên Tàu, bên Tây nhằm châm biếm những cuộc đi kín đáo rất đáng xấu hổ của Khải Định trên đất Pháp. Rồi thoắt cái, lại chuyển sang châm biếm chính sách bảo hộ và khai hoá dân thuộc địa bản xứ bằng rượu cồn và thuốc phiện | **4. Đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Vi hành*.**  **a. Nghệ thuật đả kích truyện ngắn *Vi hành***  - Đả kích là mức độ cao nhất của yêu cầu phê phán châm biếm đối tượng đã kích chỉ có thể là kẻ thù là cái xấu cái ác cần xóa bỏ tận cùng  **- Chuyện “*Vi hành”* hàm chứa sức mạnh đả kích.**  **+ Đối tượng đả kích là:**  + + **Thực dân pháp** – một chế độ bảo hộ đầy rẫy bất công tàn bạo.  + + **Triều đình nhà Nguyễn trong giai đoạn đó** (đại diện là vua Khải Định hèn yếu, nhu nhược chỉ là trò hề, là bù nhìn trong tay chính quyền “bảo hộ”.  -> cả 2 đối tượng ấy cần được đấu tranh xóa bỏ.  **+ Mục đích đả kích**: Với truyện ngắn “*Vi hành*”, Nguyễn Ái Quốc đã lột trần bản chất của hai đối tượng ấy, phơi bày trước công luận để châm biếm, đả kích một cách công khai, khéo léo bằng tác phẩm nghệ thuật.  **- Màu sắc châm biếm, đả kích chủ yếu được thể hiện ở các yếu tố chính sau**:  + **Cốt truyện hàm ẩn**: chọn được tình huống chuyện độc đáo vừa để nêu được thực trạng vừa lồng ghép được ý tưởng châm biếm, đả kích một cách kín đáo mà sáng rõ.  **+ Sử dụng thủ pháp phóng** **đại** trong kể chuyện, miêu tả và thể hiện chân dung nhân vật “hoàng đế vi hành” cũng như sự đón tiếp, săn sóc tận tình của Chính phủ “bảo hộ”, phóng đại cả tình huống nhầm lẫn của người Pháp  + **Ngôn ngữ, giọng điệu:** tác giả dùng ngôn ngữ linh rất linh hoạt tạo ra giọng điệu châm biếm, mỉa mai, diễu cợt bằng cách “nói ngược” rất sâu đậm trong hầu hết toàn bộ truyện. Ví dụ: “*Tôi không được rõ ý đồ của nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là người muốn biết dân Pháp dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Al- lếch-xăng Đệ nhất có được sung sướng, có được uống rượu nhiều và được hút nhiều thuốc bằng dân A Nam, dưới quyền ngự trị của ngài hay không?”*; “*Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, tôi thật không sao che giấu nổi niềm tự hào được là một người A Nam và thực sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.*  **b. Việc tác giả lựa chọn hình thức viết thư gửi cô em họ:** là một sáng tạo trong cách trần thuật vì:  - Tác giả đã khéo léo đặt nhân vật “tôi – người kể chuyện” vào một điểm nhìn hoàn toàn khách quan, điểm nhìn của một người bỗng nhiên được tai nghe mắt thấy sự đánh giá của công chúng Pháp đối với một ông vua An Nam trong chuyến công du “mẫu quốc” rất đáng xấu hổ của y. Điểm nhìn đó cũng giúp tác giả dễ tạo ra giọng kể đa thanh, phức điệu, đan xen giữa quan sát miêu tả và bình luận bằng chất giọng hài hước, dí dỏm khá độc đáo, gây được sự chú ý và sức thuyết phục đối với người đọc.  - Giúp cho tác giả có thể dễ dàng đổi giọng từ giọng thuật truyện sang giọng châm biếm hay trữ tình thân thiết:  - Giúp tác giả có thể tự do chuyển cảnh để cốt truyện biến hoá một cách linh hoạt |

**2.3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Đánh giá được giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa cơ bản của truyện “*Vi hành”*

**b.** **Nội dung hoạt động**: thảo luận cặp đôi để đánh giá, khái quát

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu yêu cầu:  + Vẽ sơ đồ tư duy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (theo mẫu)  + Nêu cách đọc hiểu một tác phẩm truyện của Nguyễn Ái Quốc  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo**   * HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp * Trả lời câu hỏi   **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Truyện kể cô đọng, tình huống truyện độc đáo, cốt truyện sáng tạo hàm ẩn, có sự quan sát tinh tường, tưởng tượng phong phú.  - Màu sắc châm biếm, đả kích thể hiện mạnh mẽ và được thể hiện ở nhiều phương diện và tạo hiệu quả cao, khiến câu chuyện mang nhiều ý nghĩa.  - Mượn hình thức bức thư gửi ngừời em họ giúp tác giả linh hoạt chuyển cảnh, đổi giọng kể, tự do tưởng tượng, lời văn linh hoạt, hóm hỉnh, mỉa mai, hài hước.  **2. Nội dung**  - Xây dựng hình ảnh phiếm họa về ông vua bù nhìn Khải Định, tác giả đã lột trần bản chất của triều đình nhà Nguyễn và chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, phơi bày trước công luận để châm biếm, đả kích một cách công khai, khéo léo.  - Tác giả chế giễu theo dõi, kiểm soát nghiêm ngặt của Chính phủ “bảo hộ” đối với những người yêu nước, hoạt động cách mạng khi ấy.  + Thể hiện tình yêu nước thầm kín, tâm trạng đau đớn của người dân mất nước;  **3. Cách đọc hiểu truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc**  1. Xác định hoàn cảnh và mục đích sáng tác (luận chiến công khai)  2. Xác định cốt truyện, bố cục, hình tượng nhân vật và ý nghĩa của việc xây dựng hình tượng nhân vật ấy.  3. Xác định và phân tích được nghệ thuật châm biếm sắc sảo của tác phẩm.  4. Phân tích được ý nghĩa hàm ẩn của tác phẩm.  5. Rút ra thông điệp, nhận thức. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ 1:** Nêu cảm nhận về ý nghĩa nhan đề của truyện ngắn “*Vi hành”.* Cách đặt nhan đề của tác giả có gì đáng chú ý?

**Nhiệm vụ 2**: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích nghệ thuật độc đáo được tác giả sử dụng để làm nổi bật chân dung nhân vật vua Khải Định trong truyện ngắn “*Vi hành*” của Nguyễn Ái Quốc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- Nhiệm vụ 1**. HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (5 phút)

**- Nhiệm vụ 2.** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà (10 phút)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh trả lời, đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS trả lời)

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Nhiệm vụ 1**: Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS

- “Vi hành” không chỉ là việc rời xa cung cấm mà còn là hành động tích cực thấu hiểu nhân dân.  
- Trong tác phẩm, “vi hành” của Khải Định được châm biếm khi ông ta sang Pháp ăn chơi hưởng thụ, một cách nhục nhã.

-> Đặt tên cho truyện ngắn như vậy, tác giả đã lột trần bản chất của triều đình nhà Nguyễn và chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, phơi bày trước công luận để châm biếm, đả kích một cách công khai, khéo léo; chế giễu sự theo dõi, kiểm soát nghiêm ngặt của Chính phủ “bảo hộ” đối với những người yêu nước, hoạt động cách mạng khi ấy. Đồng thời, Người gửi gắm tình yêu nước thầm kín, tâm trạng đau đớn của người dân mất nước;

**Nhiệm vụ 2.** Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

**Rubric đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **0,5** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn | **0** |
| **Nội dung** | Phân tích nghệ thuật độc đáo được tác giả sử dụng để làm nổi bật chân dung nhân vật vua Khải Định trong truyện ngắn “*Vi hành*” của Nguyễn Ái Quốc. | |
| Giới thiệu nghệ thuật xây dựng nhân vật chân dung vua Khải Định trong truyện ngắn “*Vi hành*” của Nguyễn Ái Quốc. | **1** |
| Phân tích nghệ thuật độc đáo được tác giả sử dụng để làm nổi bật chân dung nhân vật vua Khải Định:  - Nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà xuất hiện gián tiếp qua lời đàm tiếu của người Pháp và suy nghĩ của nhân vật “tôi”  + Chân dung nhân vật Khải Định được dựng lên trong một tình huống truyện khá tình cờ và thú vị, qua lời đàm tiếu của một cặp đôi người Pháp.  + Chân dung nhân vật Khải Định hiện lên qua suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi”- tác giả.  - Ngòi bút kể chuyện giàu màu sắc châm biếm, đả kích với giọng điệu vừa hài hước, vừa sâu cay, sắc sảo.  - Tác giả thành công với việc lựa chọn hình thức bức thư để trần thuật lại truyện với tạo nên sự linh hoạt trong không gian, giọng kể.  => Vua Khải Định đã hiện lên với dáng vẻ bù nhìn, kệch cỡm và hài hước, nghệ thuật châm biếm vừa sâu cay vừa khách quan đã đem đến cho độc giả những ấn tượng sâu sắc về Khải Định - một tên hề, một con rối ngơ ngác chịu sự sai khiến của đế quốc, nhục nhã và đê hèn.  - Qua nghệ thuật đó, nhà văn muốn gửi gắm điều gì về bộ máy triều đình nhà Nguyễn và chính quyền “bảo hộ” Pháp? | **2,5**  **2**  **1,0**  **1,0**  **0,5** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,... | **1,0** |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học về truyện ngắn giải quyết một tình huống cụ thể.

**b. Nội dung**: HS sáng tác đóng một màn kịch, vẽ một cảnh ấn tượng trong tác phẩm *Vi hành*

**c. Sản phẩm:** Một truyện ngắn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Lớp chia thành 2 nhóm: GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

+ Nêu ý tưởng vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện “*Vi hành*”. Thuyết trình về bức tranh đó.

+ Sân khấu hóa một nội dung trong truyện “*Vi hành*”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

- Hoàn thành sản phẩm học tập đúng thời hạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

HS báo cáo vào tiết học buổi chiều.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận.**

**GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập nhóm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| - Vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện “*Vi hành*”.  **(5 điểm)**  - Thuyết trình về bức tranh  **(10 điểm)** | - Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  **(1 - 2,5 điểm)**  - Thuyết trình chưa tự tin, chưa lột tả được hết vẻ đẹp của quê hương thể hiện qua bức tranh.  **(1 - 2,5 điểm)** | - Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  **(2 - 3,5 điểm)**  - Thuyết trình tự tin, về cơ bản thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh nhưng chưa thật ấn tượng, chưa có điểm nhấn  **(2 – 3,5 điểm)** | -Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  **(4 - 5 điểm)**  - Thuyết trình tự tin, thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh về quê hương thật ấn tượng, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người người nghe.  **(4 - 5 điểm)** |
| Sân khấu hóa một nội dung trong truyện “*Vi hành*” **(10 điểm)** | Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện “*Vi hành*” nhưng nội dung sơ sài, lời thoại, biểu cảm của nhân vật chưa thật phù hợp với nội dung  **(5 – 6 điểm)** | Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện “*Vi hành*” có nội dung, lời thoại, biểu cảm của nhân vật tương đối đảm bảo yêu cầu, tuy nhiên chưa có điểm nhấn thật ấn tượng, đặc sắc.  **(7 – 8 điểm)** | Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện “*Vi hành*” lời thoại, biểu cảm của nhân vật sắc nét; ăn ý, nội dung phù hợp, có nhiều điểm nhấn ấn tượng, tạo dấu ấn sâu đậm trong lòng người xem.  **(9 - 10 điểm)** |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc để đọc và tìm hiểu về tác phẩm

- Hoàn thành bài tập ở phần vận dụng: vẽ một cảnh ấn tượng, hoặc sân khấu hóa một nội dung trong truyện “*Vi hành*”

**- Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói mỉa.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |
| --- |
| **Tiết:... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **Biện pháp tu từ nói mỉa** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực: Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực sử dụng tri thức trong học tập và nghiên cứu:**

**1. Năng lực**

– Nhận biết được các dấu hiệu đặc trưng của biện pháp tu từ nói mỉa trong các phát ngôn nói chung và trong văn bản viết (nhất là văn bản văn học) nói riêng.

– Biết vận dụng biện pháp tu từ nói mỉa trong nói và viết nhằm đạt được những mục đích cụ thể đã xác định.

– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về biện pháp tu từ nói mỉa vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

**2. Phẩm chất**

- Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.

**b. Nội dung hoạt động:** Xem video, trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS xem Clip:  <https://www.youtube.com/watch?v=P6FkawQphz8&t=5350s>  (Từ 1:28:12 đến 1:29:49)  - HS trả lời các câu hỏi:  + Hãy chỉ ra trong trích đoạn yếu tố gây cười đối với người xem.  + Tại sao chúng ta thấy buồn cười?  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**  - HS xem video và thể hiện suy nghĩ cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương HS có cảm nhận sâu sắc.  - GV dẫn vào bài: Ông muốn gì?/Ông thích gì?/Ông nói thế mà nghe được à?,... của Ngọc Hoàng trong đoạn video ta vừa xem quả thực khiến ta vừa buồn cười, vừa băn khoăn về vị thế của Ngọc Hoàng. Mỉa mai cũng ở đó . Vậy thế nào là nói mỉa, nói mỉa có tác dụng gì, hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu. | HS trả lời theo cảm nhận của cá nhân, chẳng hạn:  - Yếu tố gây cười: Những lời đối thoại của táo Giao thông và Ngọc Hoàng (Nội dung thông báo xả lũ, bắn pháo hoa ba màu làm tín hiệu của táo Giao thông. Ông muốn gì?/Ông thích gì?/Ông nói thế mà nghe được à?,... của Ngọc Hoàng).  - Nguyên nhân gây cười:  + Một buổi chầu nghiêm túc mà nói nhầm, nói giỡn, thoải mái như trẻ con.  + Lời nói và cảm xúc của Ngọc Hoàng hoàn toàn đối lập với vị trí và vai trò trị vì của Ngọc Hoàng.  ... |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết được đặc điểm và công dụng của biện pháp tu từ nói mỉa trong đọc hiểu văn bản và trong giao tiếp

**b. Nội dung hoạt động:** Thực hiện các yêu cầu theo nhóm theo cặp, trước lớp.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Hình thức: cặp đôi**  - Gv hướng dẫn, cung cấp tư liệu cho HS:  Làm việc theo nhóm và đọc các tư liệu sau:  + Đọc nội dung 3, SGK trang 4,5 SGK, sau đó, Gv yêu cầu HS lên thuyết trình về biện pháp tu từ nói mỉa với dạng sơ đồ tư duy, vi deo, trò chơi. (đã chuẩn bị ở nhà)  Nội dung kiến thức về biện pháp tu từ nói mỉa cần đảm bảo các thông tin theo PHT sau:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**  *1. Thế nào là nói mỉa?*  *2. Chỉ rõ tác dụng của nói biện pháp nói mỉa.*  *3. Nêu cấu tạo của biện pháp nói mỉa.*  *4. Lấy ví dụ minh họa.* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi đại diện nhóm trả lời các câu hỏi.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV chốt kiến thức, nhận xét các nhóm. | **I. LÍ THUYẾT: BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA**   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Biện pháp tu từ nói mỉa** | | **Ví dụ** | *1. Anh chị khiến tôi* ***đẹp mặt*** *quá!* (ngụ ý đánh giá của *đẹp mặt* là *mất mặt*)  2. *Bạn tôi lo lắng thi cử ngày không ngủ đêm không ăn,****gầy****hết cả người đây này!* (Thực tế là bạn tôi đang tăng cân). | | **Đặc điểm** | người nói/ người viết dùng những từ ngữ có ý nghĩa tích cực với ngụ ý đánh giá ngược lại. | | **Tác dụng** | - nhằm châm biếm hoặc đả kích đối tượng được nói đến (VD1)  - có thể để bông đùa, trêu chọc trong phạm vi giao tiếp thân mật, gần gũi (VD2) | | **Cấu tạo** | Nói mỉa gồm hai tầng nghĩa:  + Ý nghĩa bề mặt của từ ngữ (nghĩa tường minh)  + Ý nghĩa đánh giá của người nói / người viết (nghĩa hàm ẩn)  ->Sự mâu thuẫn giữa hai tầng nghĩa càng lớn thì tác dụng châm biếm, đả kích càng mạnh mẽ.  - Để hiểu được ý nghĩa, giá trị đích thực của nói mỉa, người nghe /người đọc cần dựa vào ngữ cảnh, giọng điệu và các yếu tố phi ngôn ngữ đi kèm với lời nói (cử chỉ, nét mặt). | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**: HS xác định được biện pháp tu từ nói mỉa, phân tích được tác dụng của nó.

**b. Nội dung hoạt động:** Thực hiện bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức cuộc thi:**  **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt** (**Vòng 1: Đọ sức đua tài)**  GV chia lớp làm 4 nhóm, 2 thư kí ghi điểm.  GV nêu thể lệ trò chơi:  - Có 04 yêu cầu tương ứng với 4 phần a,b,c,d của bài tập số 1 là:  - Các nhóm chỉ được phất cờ/ bấm chuông/ giơ tay khi cô giáo đọc xong câu hỏi và từng phần ngữ liệu.  - Thời gian suy nghĩ cho mỗi phần là 1 phút tối đa  Câu hỏi: Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 25)  **Tìm những từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ nói mỉa trong các ngữ liệu sau (trích từ truyện “*Vi hành*” của Nguyễn Ái Quốc)**  a. *Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. […] Bên cạnh những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì lí do không cao thượng bằng, cũng “vi hành” đấy.*  b. *Tôi không được rõ ý đồ của nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài không muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là A-lếch-xăng Đệ nhất, có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút thuốc phiện bằng dân Nam dưới quyền ngự trị của ngài, được không?*  c. *Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng “Hắn đấy!” hay “Xem hắn kìa!” là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.*  d. *Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nổi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS cùng nhau đọc các ngữ liệu a,b,a,d và trả lời câu hỏi: từ ngữ thể hiện phép tu từ nói mỉa  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm tham gia trò chơi trả lời câu hỏi theo thể lệ.  - Các nhóm còn lại đều có quyền bổ sung để được ghi điểm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chúc mừng đội thắng cuộc vòng 1. | **II. LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1: Tìm những từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ nói mỉa trong các ngữ liệu sau (trích từ truyện “*Vi hành*” của Nguyễn Ái Quốc):**  **Gợi ý: Những từ ngữ in đậm trong ngữ liệu thể hiện biện pháp nói mỉa.**  a. *Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. […] Bên cạnh những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì lí do không cao thượng bằng, cũng “****vi hành****” đấy.*  b. *Tôi không được rõ ý đồ của nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài không muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là A-lếch-xăng Đệ nhất,****có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút thuốc phiện bằng dân Nam dưới quyền ngự trị của ngài,*** *được không?*  c. *Cô không thể tưởng tượng được****cảnh đón tiếp tốt đẹp****người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà****biểu lộ nhiệt tình****khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng “Hắn đấy!” hay “Xem hắn kìa!” là* ***những lời chào mừng kín đáo và kính trọng****mà chúng tôi thường gặp dọc đường.*  d. *Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nổi****niềm tự hào****được là một người An Nam và****sự kiêu hãnh****được có một vị hoàng đế.* |
| **Nhiệm vụ 2. Bài tập 2**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tiếp tục tổ chức cuộc thi:**  **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt** (**Vòng 2: Vượt trở ngại)**  **GV lưu ý:** Trong thời gian tối đa 7 phút, các nhóm thảo luận, hoàn thành bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 25)  **Câu hỏi:** **Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp nói mỉa trong những câu ca dao dưới đây:**  a. *Chồng người vác giáo săn beo*  *Chồng em vác đũa săn mèo khắp mâm.*  b. *Đồn rằng cha mẹ anh hiền*  *Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ tư.*  c. *Vợ anh khéo liệu khéo lo,*  *Bán một con bò, mua cái ễnh ương.*  *Đem về thả ở gầm giường,*  *Nó kêu ì ọp, lại thương con bò.*  d. *Làm trai cho đáng nên trai*  *Một trăm đám cỗ chẳng sai đám nào.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập 2  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS các nhóm lần lượt báo cáo kết quả.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung hoàn thành bảng.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Thư kí tiếp tục tổng hợp, báo cáo kết quả điểm vòng 2 của các nhóm. | **Bài tập 2:** **Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp nói mỉa trong những câu ca dao dưới đây:**  **a.** *Chồng người vác giáo săn beo*  *Chồng em* ***vác đũa săn mèo*** *khắp mâm.*  **=>** Cụm từ: “***vác đũa săn mèo***” thể hiện thái độ châm biếm, bông đùa đối với nhân vật “*chồng em”-* người chỉ quanh quẩn trong xó bếp, mâm cơm.  **b.** *Đồn rằng* ***cha mẹ anh******hiền***  *Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ tư.*  =>Từ “*hiền*” được dùng với nghĩa đánh giá ngược lại, thể hiện thái độ mỉa mai, phản ứng đối với *cha mẹ anh* – những người tham tiền, tham của.  **c.** *Vợ anh* ***khéo liệu khéo lo****,*  *Bán một con bò, mua cái ễnh ương.*  *Đem về thả ở gầm giường,*  *Nó kêu ì ọp, lại thương con bò.*  **=>** Cụm từ: “***khéo liệu khéo lo***” được dùng với nghĩa đánh giá ngược lại, thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt đối với nhân vật “*vợ anh*”- người phụ nữ vụng về, không biết lo toan, vun vén.  **d.** *Làm trai cho* ***đáng nên trai***  *Một trăm đám cỗ chẳng sai đám nào.*  **=>** Cụm từ: “***đáng nên trai***” được dùng với nghĩa đánh giá ngược lại, thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm đối với nhân vật “*trai*”- người đàn ông quan quẩn với việc thỏa mãn thú vui ăn uống, chè chén. |
| **Nhiệm vụ 3. Bài tập 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tiếp tục tổ chức cuộc thi:**  **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt** **(Vòng 3: Nhà vô địch)**.  **GV lưu ý:** Trong thời gian tối đa 7 phút, các nhóm thảo luận, hoàn thành bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 25)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập 3 SGK  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS các nhóm lần lượt báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Thư kí tiếp tục tổng hợp, báo cáo kết quả điểm cả 3 vòng của các nhóm.  - GV công bố giải: Nhà vô địch và các giải còn lại, tuyên dương, khen thưởng hoặc ghi điểm cho các nhóm qua 3 vòng chơi. | **Bài tập 3:** **Tìm trong truyện cười hoặc thơ châm biếm ba ví dụ về biện pháp tu từ nói mỉa.**  Ví dụ (1): Ở truyện cười dân gian: “*Vắt cổ chày ra nước*”, câu nói của đầy tớ với chủ nhà “*Ông chưa biết đấy thôi chứ vắt cổ chày cũng ra nước đấy ạ*” được dùng biện pháp tu từ nói mỉa, với hàm ý mỉa mai thể hiện thái độ châm biếm, giẫu cợt đối với nhân vật “*chủ nhà*”- người sống keo kiệt, bủn xỉn, chưa từng có.  Ví dụ (2): Ở truyện cười dân gian: “*Hai kiểu áo*”, câu nói của người thợ may với ông quan “*Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*” được dùng biện pháp tu từ nói mỉa, với hàm ý mỉa mai thể hiện thái độ châm biếm, giẫu cợt đối với nhân vật “*ông quan*”- người sống hai mặt, với quan trên thì nịnh bợ, tâng bốc, luồn cúi; với dân thì ra oai, bắt nạt, hống hách, cậy quyền cậy thế.  Ví dụ (3): Bài ca dao châm biếm  *Bồng bồng* ***cõng chồng đi chơi*** *Đi đến chỗ lội* ***đánh rơi mất chồng*** *Chị em ơi cho tôi mượn cái gầu sòng Để tôi tát nước* ***múc chồng tôi lên***  **=>** Cụm từ: “***cõng chồng đi chơi****”, “****đánh rơi mất chồng”, “múc chồng tôi lên”*** thể hiện thái độ châm biếm, chua chát, xót xa cho thân phận của mình trước tệ nạn tảo hôn- người phụ nữ là nạn nhân của tệ nạn ấy, lấy phải người chồng còn bé “cõng đi chơi”.... |

**Truyện (1) Vắt cổ chày ra nước**

Chủ nhà sai đầy tớ về quê ngoại lo công chuyện, người đầy tớ xin chủ mấy đồng tiền để uống nước dọc đường. Ngẫm nghĩ một lúc chủ nói:

    - Thằng này đến là ngớ ngẩn, hai bên đường đi thiếu gì là ruộng ao, có khát thì xuống ruộng mà uống tha hồ, vào quán xá làm quái gì cho phiền phức tiền nong.

    Đầy tớ thành thực bẩm:

    - Độ rày hạn quá ruộng đâu có nước nữa.

    Suy nghĩ một lúc, chủ nhà nói:

    - Để tao cho mượn cái khố vải vận vào người mặc thấm mồ hôi khi khát vắt ra uống.

    Người đầy tớ hóm hỉnh nói:

    - Trời nóng vận khố tải nóng lắm, hay ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy.

    - Để làm gì?

    Chủ nhà ngạc nhiên hỏi.

    Đầy tớ thủng thẳng trả lời:

    - Ông chưa biết đấy thôi chứ vắt cổ chày cũng ra nước đấy ạ!

(Theo Truyện cười dân gian Việt Nam)

**Truyện (2): Hai kiểu áo**

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?

Quan lớn ngạc nhiên:

- Nhà ngươi biết để làm gì?

Người thợ may đáp:

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:

- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về biện pháp tu từ nói mỉa vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV nêu yêu cầu:**

**Nhiệm vụ về nhà:** Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 15 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tác dụng biện pháp nói mỉa trong truyện ngắn “*Vi hành”* của Nguyễn Ái Quốc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS gửi sản phẩm vào nhóm lớp

- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

**Rubric đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 10 – 15 dòng. | **2.0** |
| **Nội dung** | Viết một đoạn văn theo chủ đề trình bày suy nghĩ của em về tác dụng biện pháp nói mỉa trong truyện ngắn “*Vi hành”* của Nguyễn Ái Quốc. | |
| Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn. | **1.0** |
| Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề: tác dụng biện pháp nói mỉa trong truyện ngắn “*Vi hành”* của Nguyễn Ái Quốc  - Biện pháp tu từ nói mỉa là biện pháp tu từ nổi bật của truyện ngắn “*Vi hành*” góp phần tạo nên thành công to lớn của tác phẩm.  - Biện pháp tu từ nói mỉa giúp tác giả tạo ra những tình huống, chi tiết mang tính trào phúng trong việc mô tả tâm lí, tính cách nhân vật.  - Biện pháp tu từ nói mỉa tạo ra sự độc đáo tinh tế trong giọng điệu, giúp tác giả có thể truyền đạt thông điệp của mình một cách uyển chuyển mà sắc bén mạnh mẽ.  - Biện pháp tu từ nói mỉa tạo ra dấu ấn riêng biệt của tác phẩm và tác giả. | **4.0** |
| Đánh giá, nhận xét về biện pháp nói mỉa trong truyện ngắn “Vi hành” | **1.0** |
| *Chính tả, ngữ pháp* | Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt. | **1.0** |
| *Sáng tạo* | Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1.0** |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa và phân tích chỉ ra tác dụng.

- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa

**- Chuẩn bị bài:** Viết bài nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |
| --- |
| **Tiết:... VIẾT**  **Viết bài nghị luận về quan niệm**  **yêu nước của tuổi trẻ** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

Phát triển năng lực viết cho HS. Giúp các em biết viết bài nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi.

**2. Phẩm chất**

HS thể hiện được sự chủ động trong việc bàn luận về vấn đề. Biết bày tỏ quan điểm cá nhân về lòng yêu nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  - Kể tên các tác phẩm văn học của Hồ Chí Minh mà em yêu thích.  - Chia sẻ những suy nghĩ và cảm xúc của cá nhân em khi đọc tác phẩm văn học đó của Người. Từ các văn bản đọc hiểu được học, em hiểu gì về tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ trong 01 phút và trình bày  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - HS suy nghĩ và phát biểu.  - HS có thể phát biểu theo hình thức chỉ định, 01 bạn phát biểu xong và chỉ định ngẫu nhiên bạn tiếp theo.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới:  - Ở Bài 6, chúng ta đã được tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của tác gia Hồ Chí Minh, Người là một điển hình của lòng yêu nước mà thế hệ trẻ ngày nay chúng ta phải sống, học tập và làm theo với một yêu cầu mới của thời đại. Vậy thế hệ trẻ ngày nay quan niệm về lòng yêu nước như thế nào? Quan niệm ấy có gì giống và khác với quan niệm yêu nước truyền thống?  - Để bày tỏ những suy nghĩ của cá nhân về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ, hôm nay cô trò chúng ta sẽ đến với tiết học viết: *Viết bài nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.* | Câu trả lời của HS |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu kiểu bài văn nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu: Làm việc cặp đôi, đọc SGK và hoàn thiện bảng kiến thức sau:   |  |  | | --- | --- | | **Các vấn đề cần tìm hiểu** | **Nội dung cụ thể** | | Kiểu bài |  | | Vấn đề trọng tâm |  | | Các câu hỏi cần trả lời |  | | Các dạng đề |  | | Yêu cầu của kiểu bài |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm việc theo cặp đôi.  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện HS phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **I. ĐỊNH HƯỚNG**   |  |  | | --- | --- | | **Các vấn đề cần tìm hiểu** | **Nội dung cụ thể** | | Kiểu bài | Nghị luận về một vấn đề xã hội | | Vấn đề nghị luận | Quan niệm yêu nước của tuổi trẻ | | Các nội dung cần trả lời | - Quan niệm thế nào là yêu nước?  - Những biểu hiện yêu nước của tuổi trẻ trong thời kì mới.  - Lí giải vì sao ngày nay nội dung yêu nước cần có điểm kế thừa, bổ sung và phát triển.  - Cần làm gì để bày tỏ lòng yêu nước? | | Các dạng đề | - Dạng 1: Bàn luận chung về vấn đề lòng yêu nước:  Ví dụ: Theo em, thế hệ trẻ ngày nay quan niệm như thế nào về lòng yêu nước? Quan niệm ấy có gì giống và khác so với quan niệm yêu nước truyền thống?  - Dạng 2: Bàn luận về vấn đề lòng yêu nước được đặt ra từ tác phẩm văn học.  Ví dụ: Từ các tác phẩm thơ văn của Hồ Chí Minh đã học, hãy phát biểu suy nghĩ của em về những biểu hiện của tình yêu Tổ quốc.  - Dạng 3: Bàn luận về lòng yêu nước thông quan một nhận định, quan niệm, ..  Ví dụ: Nói về lòng yêu nước, nhà văn I-li-a Ê-ren-bua nói: “Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào đại trường giang Von-ga, con sông Von-ga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”. Em hiểu câu nói trên như thế nào?  ...  Dạng 4: Bàn về một khía cạnh của lòng yêu nước:  Ví dụ:  1. Suy nghĩ về ý nghĩa của lòng yêu nước  2. Tuổi trẻ ngày nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước. | | Yêu cầu của kiểu bài | - Chuẩn bị tư liệu liên quan đến vấn đề trọng tâm cần bàn luận (các tác phẩm thơ, văn, những bằng chứng từ đời sống, những câu danh ngôn và những kiến thức lí luận văn học,... về lòng yêu nước).  - Xác định rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận về vấn đề đã nêu. Vận dụng được kiến thức và những trải nghiệm của cá nhân người viết. | |
| **Thao tác 1: Thực hành viết theo các bước**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Mỗi bàn là một nhóm  - Thực hiện bài tập trang 26 SGK (thời gian 15 phút)  - Lưu ý: Bước thứ 3, thực hành viết, nhóm chỉ thực hiện nhiệm vụ viết mở bài, nhiệm vụ viết bài văn hoàn chỉnh để lại.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân.  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện HS phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV chốt lại kiến thức từng phần và tổ chức đối chiếu, kiểm tra phần viết của các nhóm | **II. THỰC HÀNH**  **2.1. Thực hành viết theo các bước**  **Đề bài: Theo em, thế hệ trẻ ngày nay quan niệm như thế nào về lòng yêu nước? Quan niệm ấy có gì giống và khác so với quan niệm yêu nước truyền thống?**  **a. Bước 1. Chuẩn bị**  - Tìm hiểu đề bài, xác định trọng tâm vấn đề, kiểu văn bản, phạm vi bàn luận,...  - Xác định phạm vi dẫn chứng và các bằng chứng cụ thể về lòng yêu nước trong lịch sử cũng như trong cuộc sống hiện nay.  - Xem lại các nội dung đọc hiểu văn bản trong Bài 6; liên hệ với những hiểu biết từ môn Lịch sử và các tác phẩm văn học viết về lòng yêu nước.  **b. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý**  **- Tìm ý:** Đặt ra các câu hỏi và tìm câu trả lời:  + Thế nào là yêu nước?  + Lòng yêu nước có ý nghĩa như thế nào trong lịch sử dân tộc?  + Quan niệm yêu nước của tuổi trẻ ngày nay có gì giống và khác so với quan niệm yêu nước truyền thống?  + Cần kế thừa và phát triển lòng yêu nước truyền thống như thế nào?  + ..  - **Lập dàn ý**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Nội dung cụ thể** | | Mở bài | - Dẫn dắt giới thiệu vấn đề lòng yêu nước của tuổi trẻ.  - Nêu vấn đề trọng tâm của bài viết: Quan niệm về lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay vừa giống vừa khác với quan niệm yêu nước truyền thống. | | Thân bài | + Giải thích lòng yêu nước là gì?  + Biểu hiện của lòng yêu nước xưa nay được thể hiện rất đa dạng, phong phú.  + Ý nghĩa của lòng yêu nước đối với lịch sử dân tộc.  + Nêu điểm giống và khác trong quan niệm về yêu nước của thế hệ trẻ ngày nay so với quan niệm yêu nước truyền thống.  + Thế hệ trẻ ngày nay cần làm gì để kết thừa và phát triển truyên thống yêu nước của dân tộc. | | Kết bài | Khẳng định lại sự biểu hiện phong phú về lòng yêu nước của tuổi trẻ hiện nay; nêu cảm nghĩ của cá nhân về các biểu hiện yêu nước ấy. |   **c. Viết**  **\* Viết đoạn văn mở bài**  **\* Viết bài văn hoàn chỉnh (Thực hiện lồng ghép trong hoạt động luyện tập)**  **d. Kiểm tra và chỉnh sửa** |
| **Thao tác 2. Rèn kĩ năng viết**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Em hãy đọc SGK trang 29 và thực hiện bài tập trang 29   |  |  | | --- | --- | | Chứng minh là gì? |  | | Quá trình thực hiện thao tác chứng minh cần chú ý điều gì? (dẫn chứng và lí lẽ) |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2+3: HS thực hiện, báo cáo thảo luận**  + HS thực hiện.  + GV quan sát, khuyến khích  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Thao tác chứng minh**  **a. Cách thức**   |  |  | | --- | --- | | Khái niệm | Chứng minh một vấn đề là dùng những lí lẽ và dẫn chứng đã được thừa nhận để làm sáng tỏ vấn đề nêu ra. | | Yêu cầu về dẫn chứng và lí lẽ | - Xác định vấn đề cần chứng minh để tìm nguồn dẫn chứng cũng như lí lẽ cho phù hợp.  - Dẫn chứng:  + Nhằm chứng tỏ cho điều viết ra, nói ra là đúng, có cơ sở.  + Dẫn chứng cần đảm bảo:  + + Phải sát hợp, tiêu biểu, toàn diện, phong phú.  + + Phải có sự sắp xếp một cách lô gích, chặt chẽ, hợp lí (theo trình tự thời gian, không gian hoặc mức độ quan trọng của từng sự việc đối với vấn đề cần chứng minh).  - Lí lẽ là những lời dẫn dắt, suy luận, phân tích,... kết hợp với dẫn chứng để làm rõ vấn đề.  - Tùy theo vấn đề cần làm sáng tỏ mà người viết có thể dùng dẫn chứng hay lí lẽ, hợp cả hai. |   **b. Bài tập**  *Hãy viết một đoạn văn chứng minh thơ văn của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh thể hiện rõ lòng yêu nước nồng nàn.*  **MĐ: Nêu vấn đề nghị luận:** Thơ văn của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh thể hiện rõ lòng yêu nước nồng nàn.  **TĐ: Dùng các thao tác chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề:** Lòng yêu nước trong các sáng tác thơ văn của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh:  Dẫn chứng:  + Lòng yêu nước thể hiện trong các sáng tác thơ ca của Hồ Chí Minh: *Nhật kí trong tù* thể hiện một tình yêu nước thiết tha và khao khát tự do để trở về nước lãnh đạo phong trào cách mạng bộn bề khó khăn. Nhiều bài thơ *trong tập Nhật kí trong tù* ... thể hiện rõ tâm trọng đau khổ vì mất nước, nỗi nhớ nước, và khát vọng về một đất nước hòa bình, độc lập mà hình ảnh sao vàng là biểu tượng cho vinh quang, chiến thắng “*Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh” (Không ngử được); “Nghìn dặm bâng khuâng hồn nước cũ” (Đêm thu),* ...  + Các sáng tác truyện và kí của Nguyễn Ái Quốc được viết tại Pháp, trong những năm 20 của thế kỉ XX đều thể hiện lòng yêu nước thầm kín và nỗi đau của người dân mất nước. Tiêu biểu là truyện ngắn “*Vi hành”. ...*  + ...  **KĐ: Khẳng định lại vấn đề và nêu cảm nghĩ của bản thân.** |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết bài nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV nêu yêu cầu: Viết bài văn nghị luận cho đề bài ở phần thực hành  - HS làm việc cá nhân  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cặp đôi  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc bài trước lớp (nếu thực hiện xong)  - HS khác nhận xét, đánh giá  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá. | **III. LUYỆN TẬP**  **Bài tập: Viết bài văn nghị luận cho đề bài ở phần thực hành** |

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, trong bài thơ “*Đất nước*”, có đoạn viết:

"*Em ơi em*

*Đất nước là máu xương của mình*

*Phải biết gắn bó và san sẻ*

*Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở*

*Làm nên đất nước muôn đời"*

Những vần thơ chan chứa tâm tình, bộc lộ tâm sự của nhà thơ về vai trò, trách nhiệm của tuổi trẻ trong cuộc chiến đấu chống xâm lược và sự tự ý thức sâu sắc về Đất nước, về nhân dân qua những trải nghiệm của chính mình. Vần thơ ấy đã gợi nhắc trong chúng ta về tình yêu nước - một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng của trong mỗi con người. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, mỗi con người Việt Nam đều được hun đúc tình cảm cao đẹp ấy, để tạo thành nguồn động lực, biến thành nguồn khát vọng để vượt qua mọi chông gai, đem đến cho chúng ta nguồn sức mạnh đoàn kết, để cùng cống hiến cho đất nước. Quan niệm về lòng yêu nước của tuổi trẻ hiện nay vừa giống và khác với quan niệm yêu nước truyền thống. Ngày nay, tuổi trẻ Việt Nam dù đứng trước nhiều cơ hội và thách thức, lòng yêu nước của tuổi trẻ lại càng được trân trọng, gìn giữ và phát triển.

Trước hết, lòng yêu nước là tình cảm cao cả, thiêng liêng của mỗi người dành cho mảnh đất quê hương, cho Tổ quốc thân yêu. Tình cảm ấy được thể hiện bình dị, chân thành qua sự gắn bó, trân trọng với những gì thân thuộc như tình yêu với cảnh vật thiên nhiên xung quanh (như yêu sông, yêu núi, yêu làng, yêu xóm, …) đến con người ta gặp hằng ngày. Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Tình yêu quê hương đất nước là tình cảm gắn bó thiết tha, chân thành với những thứ thân thuộc nơi mình chôn nhau cắt rốn. Hơn cả đó là những hành động nỗ lực không ngừng nghỉ để xây dựng và phát triển quê hương đất nước.

Lòng yêu nước được biểu hiện rất đa dạng và phong phú. Biểu hiện của lòng yêu nước không phải là những thứ quá cao xa, nó nằm ngay ở ý thức và hành động của mỗi người. Trong thời kì chiến tranh, lòng yêu nước chính là đứng lên, cầm súng ra trận chiến đấu với kẻ thù. Mọi khó khăn, gian khổ đều không ngần ngại, xông lên phía trước giành lại độc lập tự do cho nhân dân. Lòng yêu nước lúc đó mạnh mẽ và quyết liệt. Đó là tinh thần đoàn kết, giúp đỡ, tương thân tương ái, cùng nhau chống lại kẻ thù. Chiến tranh ác liệt nhưng như Bác Hồ từng nó thì “lòng yêu nước có thể nhấn chìm bè lũ bán nước và cướp nước”. Lòng yêu nước lúc đó chính là cố gắng không ngừng nghỉ, cố gắng ngày và đêm để giữ lấy độc lập của đất nước. Quân thù hung ác nhưng ý chí chiến đấu của nhân dân càng phải quyết tâm. Tình yêu nước nồng nàn và tha thiết đó là vũ khí để chiến thắng kẻ thù, như lời của Trần Quốc Tuấn từng viết trong “Hịch tướng sĩ”: “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, dẫu cho ngàn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”

Trong thời bình, lòng yêu nước thể hiện ở việc chúng ta xây dựng xã hội chủ nghĩa, mang lại cuộc sống no đủ cho nhân dân và sự vững bền cho đất nước. Tình yêu mà chúng ta dành cho làng quê yên bình, cho những dòng sông đỏ nặng phù sa, cho bãi mía nương dâu. Nhà văn Ê-ren-bua từng nói “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu quê hương tạo nên lòng yêu Tổ quốc”. Những tình yêu tưởng chừng như bình dị như vậy nhưng lại tạo nên một tình yêu lớn lao và cao cả hơn.

Có thể nói, lòng yêu nước có ý nghĩa vô cùng to lớn, là tình cảm thiêng liêng, cao quý và cần thiết ở mọi thời đại. Nhờ có lòng yêu nước, đất nước ta mới vượt được qua muôn ngàn chông gai, thử thách của biết bao cuộc xâm lăng của kẻ thù. Nhờ có tình yêu nước dân tộc ta mới đoàn kết, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, để làm nên sức mạnh to lớn nhấn chòm các cuộc xâm lược của lũ cướp nước. Nhờ có tình yêu nước, dân tộc ta mới làm nên hình sông thế núi như ngày nay. Nhờ có lòng yêu nước, đất nước ta mới có thế và lực vững vàng để vươn lên thành một “con rồng” của khu vực Đông Nam Á. Như cố Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng nói trong Tổng kết nhiệm kỳ khóa XII và nhìn lại 35 năm đổi mới: “Đất nước ta chưa bao giờ có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay".Tinh thần yêu nước giống như lý tưởng sống để con người tồn tại và phát triển, không ngừng gìn giữ bảo vệ quê hương đất nước và xây dựng đất nước ngày càng hiện đại. Lòng yêu nước được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, trở thành nguồn sức mạnh vô giá, thành sự kết nối của tất cả người dân trên đất nước. Có biết bao thế hệ thanh thiếu niên đã cố gắng học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của cha anh. Lòng yêu nước tạo nên sức mạnh dân tộc, gắn kết chúng ta lại với nhau, khiến chúng ta xích lại gần nhau hơn đồng thời tạo nên sức mạnh tập thể vô cùng to lớn. Không những thế lòng yêu nước còn là cảm hứng cho nhiều nhà thơ, nhà văn, họa sĩ,.. để sáng tác, gửi tình yêu của mình qua các tác phẩm. Ngoài ra còn giúp cho những kiều bào nước ta đang sống và làm việc ở nước ngoài cũng luôn nghĩ về quê hương, đất nước mà an tâm làm việc. Sống có lòng yêu nước sẽ làm giàu đẹp thêm trong  tâm hồn mỗi con người. Người có lòng yêu nước sẽ được mọi người xung quanh yêu quý, trân trọng. Chính tình yêu nước đã thổi bùng lên lý tưởng sống cao đẹp, khát vọng sống và cống hiến của mỗi chúng ta.

Quan niệm về yêu nước của thế hệ trẻ ngày nay so với quan niệm yêu nước truyền thống có những điểm tương đồng và khác biệt. Trước hết, lòng yêu nước dù ở bất cứ thời điểm nào cũng là tình cảm thiêng liêng, là tình yêu đối với quê hương, đất nước; nỗ lực cố gắng không ngừng phục vụ đất nước đạt được mục tiêu chung phù hợp với giai đoạn lịch sử đó. Lòng yêu nước luôn trở thành nguồn động lực thôi thúc mỗi con người sẵn sàng cống hiến hết mình vì sự nghiệp chung của Tổ quốc. Lòng yêu nước dù ở thời đại nào cũng giúp con người sống đoàn kết, nhân ái, trân trọng giá trị của cuộc sống hòa bình, nỗ lực để mang lại những giá trị tốt đẹp cho chính mình và cộng đồng.

Tuy nhiên, mỗi thời đại, lòng yêu nước lại có những biểu hiện khác nhau, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử ở thời điểm đó. Quan niệm yêu nước truyền thống có rất nhiều điểm khác với quan niệm yêu nước của tuổi trẻ hiện nay. Bởi lẽ, dân tộc ta trong quá khứ phải trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc, rồi biết bao cuộc xâm lăng của kẻ thù phương Bắc và gần đây là Pháp, Mỹ. Vậy nên, yêu nước luôn gắn với quan niệm xả thân vì nghĩa lớn, là cầm súng đánh giặc, là xông pha nơi mặt trận với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, là “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu). Mỗi tấc đất, mỗi nẻo đường của dân tộc nhuốm bao nhiêu máu và nước mắt của những người con yêu nước, hiến tặng cuộc đời mình cho Tổ quốc thân yêu. Lòng yêu nước của con người Việt Nam trong lịch sử đã viết nên hình sông thế núi, đã tạc nên “Thành đồng Tổ quốc”, đã tô đỏ màu cờ thiêng liêng! Lòng yêu nước biến thành ước nguyện được cống hiến, hi sinh vì nền độc lập, tự do cho dân tộc, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đanh thép trong “Tuyên ngôn độc lập”: “Toàn thể dân tộc VIệt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững nền tự do và độc lập ấy.”

Tuổi trẻ hôm nay, được sống trong hòa bình, được hưởng thành quả của lòng yêu nước mà cha ông đã cống hiến. Hẳn tuổi trẻ Việt Nam sẽ thấm nhuần những giá trị to lớn của lòng yêu nước trong lịch sử, để nhận thức, bồi đắp lòng yêu nước cho phù hợp với bối cảnh hiện tại. Đó là bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, là bối cảnh của thời cơ và vô vàn thách thức trong công cuộc xây dựng đất nước. Lòng yêu nước ngày này được quan niệm là sự cống hiến, nỗ lực của mỗi cá nhân để góp sức vào công cuộc xấy dựng và phát triển đất nước. Lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay là sự kế thừa lòng yêu nước của cha ông, và phát triển những giá trị đó cho phù hợp với bối cảnh hiện tại. Thế hệ trẻ chúng ta cần hiểu được tầm quan trọng của lòng yêu nước. Lòng yêu nước của thế hệ trẻ là tình yêu, gắn bó với gia đình, làng xóm, quê hương, là tình yêu với quanh cảnh làng quê....Yêu nước là phải cố gắng học tập không ngừng, phát triển bản thân nhiều hơn để góp phần xây dựng đất nước phát triển. Lòng yêu nước thể hiện ở hành động sẵn sàng tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi. Ngoài ra yêu nước còn là nghiêm túc thực hiện các chính sách pháp luật do nhà nước đề ra, bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật. Đồng thời lòn yêu nước có khi là hành động cũng dũng cảm chống lại cái xấu, cái ác, không tham gia vào các tổ chức, hội nhóm phản nước. Tuy nhiên không phải ai cũng có thể đủ tỉnh táo để có thể nhận thức đúng đắn được. Bên cạnh những bạn luôn phấn đấu không ngừng thì lại có một  thành phần nhỏ tỏ ra thờ ơ, sống ích kỉ, vô trách nhiệm, tồn tại suy nghĩ phản động. Đây là những suy nghĩ, hành vi lệch lạc thật đáng lên án. Mỗi người hãy suy nghĩ vì lợi ích chung của đất nước mà cố gắng hoàn thiện bản thân, yêu nước không chỉ giúp chúng ta tốt lên mà còn làm cho cuộc sống này tốt đẹp hơn.

Vậy thế hệ trẻ cần làm gì để thể hiện trách nhiệm của mình với đất nước, quê hương? Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn. Đất nước ta đang đi lên chủ nghĩa xã hội, thế hệ trẻ cần phải cống hiến và chung tay xây dựng đất nước phát triển hơn. Khi còn ngồi trên ghế nhà trường thì cần phải cố gắng chăm học, rèn luyện không ngừng để trở thành người công dân tốt cho xã hội. Lòng yêu nước của mỗi công dân sẽ đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Xung quanh chúng ta còn có rất nhiều mảnh đời cần sự sẻ chia và giúp đỡ. có những đứa trẻ lang thang cơ nhỡ, bị bố mẹ bỏ rơi, những cụ già neo đơn hoặc bị con cái ngó lơ. Họ cần được yêu thương và sẻ chia. Chúng ta hãy dang rộng vòng tay để yêu thương họ, kêu gọi xã hội yêu thương họ bằng những hành động thiết thực nhất. Chính tình yêu nước của những thế hệ đi trước đã tạo dựng một niềm tin vững chắc cho những thế hệ mai sau, dù rằng thế hệ trẻ sau này có lập nghiệp ở nơi đâu đi chăng nữa, nhưng trong trái tim chúng ta vẫn luôn giữ trong mình tình yêu nước thắm thiết, nồng nàn. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, việc thể hiện tình yêu nước sẽ thúc đẩy chúng ta cần có nhận thức đúng đắn nhất là đối với thế hệ trẻ, mỗi bạn trẻ cần phải cố gắng, nỗ lực không ngừng để phấn đấu học tập, trau dồi kiến thức, nâng cao giá trị bản thân:

Nới tóm lại, quan niệm phong phú về tình yêu nước của tuổi trẻ ngày nay đã giúp chúng ta nhận thức được giá trị cốt lõi của sự cống hiến, biết kế thừa và phát triển lòng yêu nước truyền thống. Từ đó, thế hệ trẻ hãy sống và học tập vì sự nghiệp xây dựng đất nước giàu đẹp. Cha ông ta đã tạo dựng một niềm tin vững chắc cho những thế hệ mai sau, dù rằng thế hệ trẻ sau này có lập nghiệp ở nơi đâu đi chăng nữa, nhưng trong trái tim chúng ta vẫn luôn giữ trong mình tình yêu nước thắm thiết, nồng nàn.

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI NGHỊ LUẬN VỀ**

**QUAN NIỆM YÊU NƯỚC CỦA TUỔI TRẺ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện kiểm tra, đánh giá** | **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Nội dung** | **Mở bài** | Có giới thiệu được vấn đề nghị luận không? (Ở bài này là điểm giống và khác trong quan niệm về lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay so với quan niệm yêu nước truyền thống). |  |  |
| **Thân bài** | + Đã nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho nội dung khái quát nêu ở mở bài chưa? (Ở bài này là giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận về điểm giống và khác của lòng yêu nước trong thời kì mới so với quan niệm truyền thống). |  |  |
| Bài viết đủ ý. Bài viết đã đủ ý chưa? Luận đề, các luận điểm có phù hợp với vấn đề nghị luận nêu trong đề hay không? |  |  |
| Các lí lẽ và bằng chứng có sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục không? |  |  |
|  | Có phát biểu được những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc không? |  |  |
| **Kết bài** | Đã tổng hợp và gợi mở được vấn đề cần bàn luận trong bài chưa? (Ở bài này là khẳng định sự phong phú trong quan niệm về lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay,...). |  |  |
| **Hình thức** | **Kĩ năng, trình bày diễn đạt** | Bài viết có đủ ba phần chưa, nội dung (độ dài) các phần có cân đối không? |  |  |
| Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận trong khi viết hay chưa? |  |  |
| Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt. |  |  |
| Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ. |  |  |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bố cục | Không đầy đủ | Đủ 3 phần nhưng trình bày chưa rõ ràng. | Đầy đủ 3 phần, trình bày rõ ràng |
| Lí lẽ, lập luận | Lí lẽ sơ sài, thiếu nhiều ý.  Lập luận không thuyết phục | Lí lẽ chưa được đầy đủ.  Lập luận còn chưa thuyết phục ở một số chỗ. | Lí lẽ đầy đủ, lập luận thuyết phục. |
| Bằng chứng được trích dẫn | Chưa có bằng chứng | Ít bằng chứng;  Bằng chứng trích dẫn chưa chính xác | Bằng chứng được trích dẫn chính xác, phong phú. |
| Màu sắc, cá tính, giọng văn | Chưa có giọng điệu riêng. | Có giọng điệu nhưng chưa độc đáo, rõ nét. | Độc đáo, có giọng điệu riêng. |
| Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt | Mắc nhiều lỗi | Còn mắc một số lỗi. | Không mắc lỗi |
| Ý kiến của người đánh giá | …………………………………………………….. | | |
| Câu hỏi dành cho người viết (nếu có) | …………………………………………………….. | | |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức trong giờ học viết về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.

**b.** **Nội dung**: HS viết bài, tập thuyết trình ở nhà

**c. Sản phẩm**: Video thuyết trình về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào bài văn đã hoàn thành trong phần luyện tập, tập thuyết trình ở nhà và tạo một video thuyết trình về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** HS thực hiện tại nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.** HS tiến hành báo cáo trong giờ Nói và nghe

**Bước 4: Kết luận, nhận định.** GV đánh giá, kết luận trong giờ Nói và nghe

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.

**- Chuẩn bị bài:** Nói và nghe, Nghe thuyết trình thuyết trình một vấn đề xã hội

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết:... NÓI VÀ NGHE**

**NGHE THUYẾT TRÌNH MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực.** Giúp HS:

- Biết nghe và nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình một vấn đề xã hội.

- Biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

- Biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

**2. Phẩm chất:** HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

**b. Nội dung:**

**- Cách 1.** Nếu HS đã thực hiện nhiệm vụ sáng tác video thuyết trình ở nhà, GV chiếu video của chính HS đã thực hiện và đặt câu hỏi, HS trả lời.

- **Cách 2.** Nếu HS chưa thực hiện nhiệm vụ, GV chiếu video đã chuẩn bị và đặt câu hỏi cho HS.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu vấn đề: Xem video https://youtu.be/d5ozFiLTBRA?si=cIQKUSLDV7NK5u7d và trả lời các câu hỏi:  1. Nội dung của video trên là gì?  2. Em có suy nghĩ gì khi xem video trên?  **Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, trả lời**  - HS theo dõi, trả lời câu hỏi  - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đưa ra câu trả lời:  + Nội dung của video trên nói về lòng yêu nước dù được biểu hiện khác nhau, nhưng luôn được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác  + Cảm xúc của HS: tự hào, biết ơn, khắc ghi, trân trọng lòng yêu nước của các thế hệ ...  - GV dẫn và bài: Giờ học viết, chúng ta đã được rèn kĩ năng viết bài văn về một vấn đề xã hội, cụ thể là bàn luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ. Trong tiết Nói và nghe hôm nay, chúng ta cùng rèn kĩ năng nghe để đánh giá bài nói về vấn đề đó. Vậy, khi nghe người khác thuyết trình về một vấn đề xã hội, chúng ta cần chú ý điều gì, thực hiện như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu.. | Câu trả lời của HS |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

**b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bịNói và Nghe.

**c. Sản phẩm:** Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  Đọc SGK tr 30, và trao đổi cặp đôi về các câu hỏi sau:  - Nêu yêu cầu đối với người nói và người nghe khi thuyết trình về một vấn đề xã hội.  - Khi lắng nghe người khác thuyết trình về một vấn đề xã hội, em cần lưu ý những điều gì?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các yêu cầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề. | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1. Yêu cầu**  - Người nói cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình.  - Người nghe tập trung lắng nghe và nêu ra được những nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình của người nói.  - Yêu cầu rèn luyện tập trung chủ yếu vào kĩ năng nghe và nhận xét, đánh giá.  **2. Những vấn đề cần lưu ý**  **Để nghe và nêu được nhận xét đánh giá, người nghe cần chú ý:**  - Nắm được nội dung (thông tin) cơ bản của bài thuyết trình: nghe kết hợp ghi chép để nắm vững luận đề, luận điểm, dẫn chứng, lí lẽ cơ bản.  - Đặt được câu hỏi về những điều mình chưa hiểu, chưa rõ.  - Trao đổi với người trình bày về những ý kiến khác biệt (nếu có).  - Có thái độ thân thiện, tôn trọng người nói.  - Ghi lại các câu hỏi về những điểm chưa rõ, chưa hiểu và nội dung |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS biết trình bày và nghe thuyết trình về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung**: HS trình bày bài giới thiệu. HS khác lắng nghe, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước tiến hành trình bày báo cáo**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  Đọc SGK tr 30 và trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau:  - Quá trình nghe bài thuyết trình gồm có mấy bước?  - Nêu cụ thể nội dung trong từng bước.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các yêu cầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.  **2. Thao tác 2. Thực hành trình bày**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu nhiệm vụ cho HS:  - GV chia lớp thành các nhóm (2 bàn 1 nhóm)  - Yêu cầu: Từ bài chuẩn bị ở nhà, hãy trao đổi để hoàn thiện thành bài trình bày về so sánh, đánh giá, giá trị nội dung, nghệ thuật của hai đoạn trích kí trong đó có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc theo nhóm, kiểm tra lại phần trình bày và phương tiện hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV chọn 01 đại diện lên trình bày trước lớp  - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ nói và nghe.  - GV hướng dẫn HS dưới lớp theo dõi và đánh giá người nói (Phiếu đánh giá)  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét phần trình bày, phần trao đổi của người nói và người nghe.  - Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài giới thiệu về một tác phẩm truyện để HS rút kinh nghiệm. | **II. THỰC HÀNH**  **1. Các bước thực hiện**  **a) Bước 1. Chuẩn bị**  - Xem lại mục 1. *Định hướng* về cách thức và yêu cầu khi nghe một bài thuyết trình.  - Xem lại nội dung dàn ý đã chuẩn bị ở phần *Viết*.  **b) Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý**  Tham khảo dàn ý đã nêu ở phần thực hành viết, bổ sung, điều chỉnh nội dung cho phù hợp với yêu cầu nói và nghe.  **c) Bước 3. Thực hành nói và nghe**  - Người nói: trình bày bài thuyết trình theo dàn ý mình đã chuẩn bị.  - Người nghe: nghe bài thuyết trình theo các yêu cầu đã nêu ở mục 1. Định hướng.  **d) Bước 4.** Kiểm tra và chỉnh sửa  **2. Thực hành trình bày**  **Bài tập:** Nghe và nhận xét, đánh giá bài thuyết trình “Quan niệm yêu nước của tuổi trẻ hiện nay có gì giống và khác so với quan niệm yêu nước truyền thống.”. |

**PHỤ LỤC 1**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI**

**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:………………….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **BÀI THUYẾT TRÌNH** | |  |  |
| 1 | Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc. |  |  |
| 2 | Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày. |  |  |
| **QUÁ TRÌNH NÓI** | |  |  |
| 3 | Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có). |  |  |
| 4 | Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe. |  |  |
| 5 | **ĐÁNH GIÁ CHUNG**  - Những thành công và hạn chế của bài thuyết trình: ...................................................  .......................................................................................................................................  - Hướng khắc phục, sửa chữa: ......................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**PHỤ LỤC 2**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE**

**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:………………….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE** | |  |  |
| 1 | Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói |  |  |
| 2 | Tích cực ghi chép |  |  |
| 3 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói |  |  |
| 4 | **KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE**  - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?  .......................................................................................................................................  - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về một vấn đề xã hội? ....................................................................................................................................... | | | |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS biết trình bày về một vấn đề xã hội. Biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

**b. Nội dung**: Sáng tác video thuyết trình về một vấn đề xã hội

**c. Sản phẩm:** Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 6-8 HS.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 01 vấn đề xã hội (Ví dụ: Ý nghĩa của lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay; Biểu hiện của lòng yêu nước của thế hệ trẻ ngày nay; Trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước, ....

+ Sáng tác 01 video trình bày vấn đề đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận xét**

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:**

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.

- Tự thực hành nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề xã hội.

**- Chuẩn bị bài:** Tự đánh giá

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TỰ ĐÁNH GIÁ BÀI 6**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Năng lực tự học

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ phần Tự đánh giá cuối bài học.

**2. Phẩm chất:** Có ý thức tự học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- PHT của HS.

- SGK *Ngữ văn 12 Cánh diều,* tập 2.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

- Lớp trưởng báo cáo việc soạn bài của các thành viên trong lớp.

- GV dành 5 phút để HS trao đổi theo cặp với bạn cùng bàn sản phẩm học tập đã chuẩn bị trước ở nhà.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ: HS báo cáo phần trả lời các câu hỏi Tự đánh giá (Tr 32 ->33/ SGK)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận:**

- HS trình bày báo cáo sản phẩm học tập đã chuẩn bị trước lớp (trả lời miệng).

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận.

- Định hướng tham khảo sau:

**TỰ ĐÁNH GIÁ (**Tr 32- 33/ SGK): Tìm hiểu trích đoạn kí ***Cảnh rừng Việt Bắc***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | B | C | A | B | A |

**Câu 6.** Mở đầu bài thơ, Bác viết “*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay*”. Em hiểu nghĩa của từ “hay” ở đây là thế nào?

**Gợi ý:**

- Nghĩa của từ “hay” đặt trong ngữ cảnh bài thơ trên chưa hẳn có nghĩa là đẹp (đẹp chỉ thuần túy là cảnh đẹp của cảnh vật, thiên nhiên, con người....; “hay” ở đây chỉ sự thú vị, khác lạ, độc đáo của cảnh vật, thiên nhiên, con người....

**Câu 7.** Nhận xét âm hưởng và giọng điệu bao trùm bài thơ “*Cảnh rừng Việt Bắc*”.

**Gợi ý:**

- Âm hưởng và giọng điệu bao trùm bài thơ “*Cảnh rừng Việt Bắc*” là sự vui vẻ, hóm hỉnh, hồn nhiên, lạc quan.

**Câu 8.**  Những từ ngữ nào trong bài thơ thể hiện sắc thái tình cảm của chủ thể trữ tình?

**Gợi ý:**

- Sắc thái dí dỏm, vui đùa, tinh nghịch của chủ thể trữ tình thể hiện qua những từ ngữ như *hay, suốt (cả ngày), chén, tha hồ, mặc sức*.

**Câu 9.** Từ hiểu biết của em về nghĩa của từ  “mời” và từ “chén”, chỉ ra sự phù hợp của hai từ này trong hai dòng thơ:

*Khách đến thì mời ngô nếp nướng*

*Săn về thường chén thịt rừng quay.*

**Gợi ý:**

- Nghĩa của từ “mời” và từ “chén”:

+ “Mời” là động từ chỉ thái độ trang trọng, lịch sự với một ai đó (ở đây là mời ăn ngô nếp nướng)

+ “Chén” cũng là ăn nhưng dùng theo lối khẩu ngữ, với màu sắc thân mật, vui nhộn, ...

Vì thế, với khách thì phải dùng từ “mời” cho trân trọng; còn với mình (chủ nhà) thì không phải giữ lễ nghi nên dùng từ “chén” cho thân mật, suồng sã, vui vẻ, ...

**Câu 10.** Qua bài thơ, em hiểu thêm được gì về tâm hồn của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

**Gợi ý: HS trình bày suy nghĩ của mình về vẻ đẹp tâm hồn của Chủ tịch Hồ Chí Minh:**

- Ung dung thư thái, hồn thơ hoà hợp với thiên nhiên

- Tâm hồn lạc quan, yêu đời, dí dỏm,..

- Tình yêu thiên nhiên tha thiết, đắm say cùng vẻ đẹp của núi rừng Việt Bắc.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

Đoàn Thuý Lan Trường THCS Xuân Ninh- Xuân Trường- Nam Định 0824608012

- Tìm hiểu và thu thập thông tin cần thiết xoay quanh các tác phẩm, tác giả trong bài học

**- Chuẩn bị bài 7**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Cánh Diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................